

Số: 2186 /QĐ-ĐHHHVN-KHCN

Hải Phòng, ngày 18 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên
năm học 2021-2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-HĐT ngày 02/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1333/QĐ-ĐHHHVN ngày 25/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc Ban hành Quy định “Hoạt động khoa học công nghệ tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam”;

Căn cứ Quyết định số 860/QĐ-ĐHHHVN-KHCN ngày 16/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc ban hành Thể lệ Xét tặng Giải thưởng “Nghiên cứu khoa học sinh viên” Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ năm học 2021-2022 của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Thông báo kết luận cuộc họp Hội đồng ĐT&KHCN Trường Đại học Hàng hải Việt Nam số 1661A/TB-ĐHHHVN-KHCN ngày 09/11/2021;

Theo đề nghị của Phòng Khoa học - Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2021-2022 cho các sinh viên, nhóm sinh viên và giảng viên hướng dẫn thực hiện đề tài (danh sách đề tài kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Các sinh viên, nhóm sinh viên và giảng viên hướng dẫn sinh viên có trách nhiệm triển khai nghiên cứu, báo cáo kết quả đề tài trước tháng 5/2022, theo đúng quy định tại Thể lệ xét tặng Giải thưởng “Nghiên cứu khoa học sinh viên” Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các Phòng: TC-HC, KH-CN, KH-TC; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, các sinh viên, nhóm sinh viên và giảng viên hướng dẫn có tên trong danh sách ghi tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KH-CN.



HIỆU TRƯỞNG

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. *Nguyễn Thanh Sơn*

DANH SÁCH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

Năm học 2021-2022

(Kèm theo QĐ. 2186/QĐ-ĐHNVN-KHCN ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHNVN)

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
I	Khoa Hàng hải						
1.	SV21-22.01	Nghiên cứu phương pháp tính toán nội suy hiệu chỉnh dữ liệu AIS trong khu vực luồng	Trương Thị Ngọc Mỹ Trương Đình Bình Trần Thị Xuân Nguyên Nguyễn Thị Phương Thùy	QHH60ĐH QHH60ĐH QHH60ĐH QHH60ĐH	TS. Lương Tú Nam	Nghiên cứu đề xuất phương pháp có thể tính toán, nội suy, dự đoán các trạng thái động học của tàu bị mất hoặc sai lệch tại một vài thời điểm khi tàu đang hành trình trong khu vực luồng dựa trên đặc tính chuyển động của tàu tại các khu vực khác nhau trong luồng.	
2.	SV21-22.02	Nghiên cứu về mức độ ô nhiễm rác thải ở bờ biển du lịch Việt Nam và đưa ra giải pháp hữu dụng: máy dọn rác ở bãi biển	Nguyễn Bùi Phương Anh	LHH59ĐH	ThS. Ngô Như Tại	Nghiên cứu đánh giá nhu cầu về vấn đề dọn dẹp rác trên các bãi biển du lịch tại Việt Nam, từ đó tiến hành xây dựng mô phỏng mô hình vật lý máy dọn rác trên bãi biển với các khoảng làm việc được tính toán cụ thể gọn nhẹ, dễ sử dụng.	
3.	SV21-22.03	Nghiên cứu mô phỏng khối bằng phần mềm Unity	Phạm Ngọc Hào Trần Ngọc Quý Nguyễn Văn Học	ĐKT60ĐH ĐKT60ĐH ĐKT60ĐH	TS. Đỗ Văn Cường	Sử dụng phần mềm mô phỏng để mô phỏng khối trên máy tính.	
4.	SV21-22.04	Pháp luật về bảo vệ môi trường biển do tác động rác thải tàu biển và việc thực thi Phụ lục V MARPOL 73/78 ở Việt Nam	Bùi Tùng Dương Nguyễn Thị Thúy Hương Nguyễn Đình Thảo Trang	LHH60ĐH LHH60ĐH LHH60ĐH	TS. Nguyễn Văn Trường	Nghiên cứu thực trạng ô nhiễm môi trường biển do rác thải tàu biển gây ra. Từ đó đề ra phương hướng hoàn thiện pháp luật ngăn ngừa ô nhiễm môi trường biển do rác thải tàu biển gây ra ở Việt Nam.	

RUSSIAN

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
5.	SV21-22.05	Nghiên cứu về hình phạt tử hình trong pháp Luật hình sự Việt Nam	Nguyễn Phương Quỳnh Trịnh Duy Phương Hoàng Thị Hoài Linh	LHH60ĐH LHH60ĐH LHH60ĐH	ThS. Trịnh Thị Thu Thảo	Dựa trên phân tích những vấn đề lý luận về hình phạt tử hình và các quy định về hình phạt tử hình trong pháp luật hình sự Việt Nam, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả của việc áp dụng hình phạt tử hình.	
6.	SV21-22.06	Nghiên cứu pháp luật Việt Nam về bảo vệ vật nuôi dưới góc độ luật so sánh	Vũ Thị Linh Chi Dương Thị Hà Nguyễn Quỳnh Mai Lê Mỹ Uyên Trương Thị Hương Mai	LHH60ĐH LHH60ĐH LHH60ĐH LHH60ĐH LHH60ĐH	TS. Lương Thị Kim Dung	Đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và các giải pháp khác nhằm bảo vệ vật nuôi tại Việt Nam dựa trên sự so sánh pháp luật về vật nuôi của các quốc gia trên thế giới.	
7.	SV21-22.07	Nghiên cứu đánh giá các giải pháp tiềm năng thích ứng với chiến lược giảm phát thải khí thải từ tàu biển của IMO	Nguyễn Văn Đức Đoàn Phương Thảo	QHH60ĐH QHH60ĐH	TS. Phan Văn Hưng	Phân tích các giải pháp giảm phát thải khí thải từ tàu biển. Từ đó đề xuất phương pháp đánh giá các giải pháp giảm phát thải tiềm năng.	
8.	SV21-22.08	Nghiên cứu đề xuất kế hoạch sẵn sàng ứng phó sự cố chất nguy hiểm và độc hại tại cảng thủy nội địa	Nguyễn Thị Thuỳ Giang Nguyễn Ngọc Ánh Hoàng Thị Thu Dung	QHH61ĐH QHH61ĐH QHH61ĐH	TS. Phan Văn Hưng	Phân tích các cơ sở pháp lý kiểm soát hàng nguy hiểm tại cảng thủy nội địa. Từ đó, đề xuất khung kế hoạch sẵn sàng, ứng phó sự cố hàng nguy hiểm.	
II	Khoa Máy tàu biển						
9.	SV21-22.09	Nghiên cứu, xây dựng bộ điều khiển PID cho Robot hai bánh tự cân bằng	Vũ Hữu Diệu Nguyễn Công Minh Trần Văn Lâm Đào Hoàng Long	MTT59ĐH	TS. Đỗ Văn Đoàn	Xây dựng mô hình Robot 2 bánh tự cân bằng dựa trên nền tảng lý thuyết mô hình con lắc ngược; các nguyên lý cơ bản về tự cân bằng. Tính toán các thông số động lực học, xây	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						dựng các hàm không gian trạng thái (state-space) của mô hình. Xây dựng mô phỏng mô hình trên phần mềm Matlab Simulink cho giải thuật điều khiển PID. Xây dựng thuật toán điều khiển động cơ, giữ thăng bằng cho Robot. Kết quả đạt được của đề tài: Xây dựng thuật toán điều khiển PID cho đối tượng Robot hai bánh tự cân bằng. Các kết quả kiểm chứng được trình bày trên môi trường mô phỏng Matlab/Simulink và có kết quả thực tế để kiểm chứng.	
10.	SV21-22.10	Nghiên cứu và thiết kế hệ thống đo và giám sát độ rung động để phát hiện và chuẩn đoán sự cố của động cơ điện trong quá trình làm việc.	Vũ Văn Vinh Phạm Văn Nam Nguyễn Thị Kim Thoa	MCN60ĐH MCN59ĐH	PGS.TS. Trần Hồng Hà	Đưa ra tổng quan của đề tài. Nghiên cứu thiết kế hệ thống đo và giám sát rung động. Thử nghiệm hệ thống đo và giám sát rung động. Kết luận. Kết quả của đề tài là thiết bị có chức năng đo lường và giám sát trực tiếp độ rung của động cơ điện.	
11.	SV21-22.11	Nghiên cứu, chế tạo thiết bị đo lường, giám sát các thông số nước thải ứng dụng trong các nhà máy, khu công nghiệp	Vũ Tiến Hoàng Đoàn Hữu Thắng Nguyễn Tùng Anh	MCN60ĐH	TS. Vũ Xuân Hậu	Nghiên cứu các đặc tính của các loại cảm biến đo các thông số nước thải, nghiên cứu phương án chế tạo thiết bị sử dụng vi điều khiển xử lý các tín hiệu từ các dạng cảm biến đo thông số nước thải và hiển thị trên màn hình LCD của thiết bị. Kết quả của đề tài là thiết bị có chức năng đo lường và giám sát trực tiếp các thông số	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						nước thải ứng dụng cho nhà máy công nghiệp.	
III	Khoa Đóng tàu						
12.	SV21-22.12	Tính toán, thiết kế cửa kín nước trên tàu thủy	Nguyễn Huy Hoàng	ĐTA61ĐH	PGS.TS. Đỗ Quang Khải	Tổng quan về cửa kín nước trên tàu. Nghiên cứu, thiết kế cửa kín nước trên tàu. Đánh giá quá trình nghiên cứu.	
IV	Khoa Điện – Điện tử						
13.	SV21-22.13	Nghiên cứu chế tạo xe giao hàng tự động trong khu cách ly	Lương Tôn Quyền Trịnh Đức Phú Phùng Hoàng Vương Vũ Hoàng Việt	ĐTD60ĐH ĐTD60ĐH ĐTD60ĐH ĐTD60ĐH	ThS. Vũ Thị Thu	Nghiên cứu các loại xe tự hành. Lựa chọn, xây dựng hệ thống truyền động cho xe tự hành. Nghiên cứu, lựa chọn cảm biến phát hiện vật cản. Thiết kế hệ thống điều khiển tự động cho xe giao hàng. Dự kiến sản phẩm nghiên cứu: Mô hình xe giao hàng tự động.	
14.	SV21-22.14	Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống barie tự động nhận dạng thẻ xanh covid, phân loại và cập nhật dữ liệu thông qua mã QR code	Nguyễn Xuân Vũ Phạm Tiến Dũng Hoàng Phú Thành Hà Văn Thắng	TĐH60ĐH TĐH60 ĐH TĐH60 ĐH TĐH60 ĐH	PGS.TS. Đinh Anh Tuấn	Nghiên cứu, ứng dụng những phần mềm lập trình trên máy tính, thiết bị điều khiển khả trình PLC, thiết bị nhận dạng mã QR code, sử dụng công nghệ mạng truyền thông công nghiệp từ đó tạo cơ sở để thiết kế chế tạo Barie tự động nhận dạng thẻ xanh covid qua QR code. Dự kiến sản phẩm nghiên cứu: Thiết bị Barie tự động phân loại đối tượng đi qua khu vực cần giám sát, cảnh báo, lưu trữ dữ liệu vào cơ sở dữ liệu phục vụ cho mục đích nhận dạng.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
15.	SV21-22.15	Nghiên cứu chế tạo mô hình hệ thống giám sát thân nhiệt và sát khuẩn tự động phục vụ phòng chống dịch bệnh ứng dụng công nghệ IoT	Mai Văn Quý Nguyễn Quốc Khánh Đình Văn Thành Vũ Văn Tiến	ĐTD60ĐH ĐTD60ĐH ĐTD61ĐH ĐTD61ĐH	PGS.TS. Trần Sinh Biên ThS. Đỗ Thị Chang	Ứng dụng cảm biến nhiệt độ hồng ngoại để xác định thân nhiệt, sử dụng IoT để hiển thị kết quả cho người giám sát, quản lí. Chế tạo các linh kiện cơ khí đảm bảo quá trình sử dụng được thuận tiện, phù hợp với chiều cao khác nhau của mỗi người. Kết quả dự kiến: Mô hình thống giám sát nhiệt độ cơ thể con người từ xa có chức năng cảnh báo nếu nhiệt độ cơ thể lớn hơn 37,5°C.	
16.	SV21-22.16	Nghiên cứu chế tạo mô hình điều khiển và giám sát thiết bị gia dụng ứng dụng công nghệ IoT	Nguyễn Chiến Thắng Lê Văn Chiến Nguyễn Trung Kiên Nguyễn Đăng Khỏe Nguyễn Tuấn Hùng	ĐTD60ĐH ĐTD60ĐH ĐTD60ĐH ĐTD60ĐH ĐTD60ĐH	PGS.TS. Trần Sinh Biên	Nghiên cứu phương án điều khiển và giám sát thiết bị gia dụng. Xây dựng mô hình vật lý điều khiển và giám sát một số thiết bị gia dụng. Xây dựng thuật toán và phần mềm điều khiển và giám sát qua Internet. Kết quả dự kiến: Mô hình điều khiển và giám sát một số thiết bị gia dụng qua Internet.	
17.	SV21-22.17	Nghiên cứu, chế tạo thử nghiệm mô hình máy tạo nước từ không khí sử dụng năng lượng mặt trời	Lê Trọng Huy Ngô Minh Long Nguyễn Việt Hoàng Nguyễn Tân Hưng Nguyễn Văn Minh	ĐTD60ĐH ĐTD60ĐH ĐTD60ĐH ĐTD60ĐH ĐTD60ĐH	TS. Nguyễn Văn Tiến	Nghiên cứu các phương pháp tách nước từ không khí. Lựa chọn phương án và thiết bị sử dụng cho mô hình tách nước từ không khí. Nghiên cứu giải pháp thu và lưu trữ năng lượng mặt trời. Chế tạo và thử nghiệm mô hình. Tối ưu các thông số kỹ thuật để cho hiệu suất cao. Kết quả dự kiến: Mô hình thiết bị tách nước từ không khí sử dụng năng lượng mặt trời.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						Thuyết minh đề tài và các bản vẽ.	
18.	SV21-22.18	Ứng dụng năng lượng gió trên đường cao tốc để phát điện phục vụ cho phụ tải tại chỗ	Vũ Tiến Mạnh Phạm Hoàng Phong Đào Minh Hiếu Đào Minh Hải Nguyễn Trung Kiên	ĐTĐ59ĐH ĐTĐ59ĐH ĐTĐ59ĐH ĐTĐ59ĐH ĐTĐ59ĐH	TS. Đặng Hồng Hải	Nghiên cứu về năng lượng gió được sử dụng qua động cơ phát điện với cánh quạt trực đứng đặt tại dải phân cách giữa các tuyến đường tạo bởi các dòng xe lưu thông. Năng lượng điện được tạo ra cấp cho các hệ thống công cộng. Nghiên cứu mô hình chuyển đổi năng lượng gió thành điện năng. Kết quả dự kiến: Mô hình chuyển đổi năng lượng gió thành điện năng.	
19.	SV21-22.19	Xây dựng hệ thống nhận diện khuôn mặt kết hợp kiểm soát thân nhiệt	Trịnh Văn Sỹ Đinh Thị Huyền Diệu Đặng Thị Hà Phương	ĐTV59ĐH ĐTV60ĐH ĐTV60ĐH	TS. Nguyễn Mạnh Cường	Sử dụng ngôn ngữ lập trình Python, tìm hiểu về thư viện OpenCV, Dlib, ứng dụng vào nhận diện khuôn mặt con người. Từ đó xây dựng hệ thống nhận diện kết hợp kiểm soát thân nhiệt sinh viên trong trường học. Kết quả dự kiến: Hệ thống nhận diện, kiểm soát thân nhiệt và điểm danh sinh viên trong trường học	
20.	SV21-22.20	Nghiên cứu, phân tích đặc tính của chân vịt bầu xoay Azipod từ đó ứng dụng tính toán thiết kế hệ thống chân vịt bầu xoay Azipod cho tàu kéo	Đoàn Văn Minh Nguyễn Minh Đức Nguyễn Hữu Đạt	ĐTT59ĐH ĐTT60ĐH ĐTT61ĐH	ThS. Bùi Văn Tú	Nghiên cứu lý thuyết hoạt động và thiết kế hệ thống chân vịt bầu xoay cho tàu kéo, ưu nhược điểm của hệ thống. Chọn loại động cơ Azipod phù hợp với công suất kéo của tàu. Kết quả dự kiến: Hoàn thiện bản thiết kế và sơ đồ nguyên lý một dây cho hệ thống chân vịt bầu xoay của tàu kéo.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
21.	SV21-22.21	Nghiên cứu chế tạo bộ điều khiển và giám sát hệ thống Diesel- máy phát có ứng dụng PLC và màn hình HMI	Nguyễn Đức Hậu Nguyễn Quang Duy Đoàn Thế Tuấn Đồng Văn Công	ĐTT59ĐH ĐTT60ĐH ĐTT61ĐH ĐTT61ĐH	ThS. Đặng Đình Phúc	Nghiên cứu lý thuyết hoạt động của hệ thống điều khiển và giám sát Diesel- máy phát sử dụng cho trạm phát điện trên tàu thủy, đánh giá ưu nhược điểm của hệ thống hiện tại đang sử dụng, từ đó đưa ra nhận xét và phương án cải tiến những nhược điểm đó, ứng dụng PLC kết nối màn hình HMI vào việc điều khiển và báo động, bảo vệ cho hệ thống Diesel- máy phát trong quá trình khai thác trên tàu. Kết quả dự kiến: Hoàn thiện mô hình vật lý mô phỏng hệ điều khiển và giám sát hệ thống Diesel- máy phát trên tàu thủy.	
22.	SV21-22.22	Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mô phỏng thực tế ảo cho hệ thống báo cháy, chữa cháy tàu thủy phục vụ công tác huấn luyện an ninh, an toàn hàng hải	Trần Hoài Lam Đồng Mạnh Hùng Lê Hoàng Hải Long Bùi Đức Nhật Phạm Tấn Dũng	TĐH59ĐH TĐH59ĐH TĐH59ĐH TĐH60ĐH TĐH61ĐH	KS. Nguyễn Văn Hùng	Nghiên cứu về tai nạn đắm và tàu trên biển. Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo phần cứng cho hệ thống mô phỏng báo cháy. Nghiên cứu, thiết kế phần mềm cho hệ thống mô phỏng hệ thống báo cháy. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thực tế ảo giúp học viên nắm bắt được các quy trình thao tác thiết bị khi xảy ra sự cố cháy trên tàu. Kết quả dự kiến: Mô hình huấn luyện báo cháy và chữa cháy trên tàu thủy. Phần mềm mô phỏng thực tế ảo sử dụng công nghệ VR để mô phỏng toàn tàu khi có sự cố và cháy nổ.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
23.	SV21-22.23	Thiết kế mô hình trạm sạc công cộng sử dụng năng lượng mặt trời	Nguyễn Ngọc Tú Nguyễn Trọng An Nguyễn Tấn Sang Đặng Như Chiến	TĐH60ĐH TĐH60ĐH TĐH60ĐH TĐH60ĐH	KS. Phạm Minh Thảo	Nghiên cứu tổng quan nguồn năng lượng mới trên thế giới hiện nay. Nghiên cứu xây dựng mô hình trạm sạc pin sử dụng năng lượng mặt trời kết hợp đèn chiếu sáng và camera phục vụ cho công tác an ninh, an toàn. công cộng sử dụng năng lượng mặt trời Kết quả dự kiến: Mô hình trạm sạc pin năng lượng mặt trời, đèn chiếu sáng bằng cảm biến, camera kết hợp cảm biến.	
V	Khoa CNTT						
24.	SV21-22.24	Xây dựng app di động kiểm tra sự tập trung của tài xế trên nền tảng Android dựa vào phân tích ảnh mặt người sử dụng trí tuệ nhân tạo	Nguyễn Đức Hải Dương Đức Hiếu Nguyễn Tuấn Anh	KPM59ĐH	TS. Nguyễn Hữu Tuân	Tìm hiểu các biểu cảm khuôn mặt, các góc nhìn của tài xế khi đang lái xe. Xây dựng phần mềm chạy trên nền tảng android. Sử dụng công nghệ nhận diện hình ảnh và AI. Sử dụng cho mọi tài xế điều khiển phương tiện tham gia giao thông. Kết quả dự kiến: Một app chạy trên nền tảng android có thể nhận diện được khuôn mặt của tài xế, qua đó có thể kiểm tra và đánh giá được sự tập trung của lái xe.	
25.	SV21-22.25	Nghiên cứu xây dựng bộ video bài giảng trực quan cho người học Tin học văn phòng Office 2019	Đặng Hải Yến Trần Hữu Ngọc Minh Long Ngô Thị Diệu Linh Phạm Trung Nam	CNT59ĐH	TS. Hồ Thị Hương Thơm	Nghiên cứu công cụ phù hợp (có thể chọn Adobe Premiere Pro và Adobe After Effect) dùng để chỉnh sửa video và tạo hiệu ứng. Xây dựng kịch bản và nội dung cho các video bài giảng cho người học Tin học văn phòng Office 2019.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						Xây dựng bộ video bài giảng cho người học Tin học văn phòng Office 2019. Kết quả dự kiến: Hệ thống video bài giảng trực quan cho người học Tin học văn phòng Office 2019.	
26.	SV21-22.26	Xây dựng ứng dụng cho và tặng đồ dùng học tập trên nền tảng Android	Trần Hữu Ngọc Minh Long Đỗ Quang Hưng Phùng Bá Đạt	CNT59ĐH	ThS. Nguyễn Kim Anh	Tìm hiểu, phân tích và thiết kế các chức năng của phần mềm cho và tặng đồ dùng. Xây dựng phần mềm chạy trên nền tảng Android. Sử dụng thí điểm cho sinh viên trường Đại học Hàng Hải Việt Nam thông qua sự quản lý của văn phòng Đoàn Thanh niên Nhà trường. Dự kiến sản phẩm nghiên cứu: Phần mềm ứng dụng trên nền Android cho phép người dùng đăng kí cho và nhận đồ dùng học tập.	
27.	SV21-22.27	Xây dựng ứng dụng chặn tin nhắn spam trên facebook.	Khổng Đỗ Hạ Vũ Nguyễn Trịnh Tấn Phát Phạm Văn Ngọc Đặng Văn Quỳnh Thắng	CNT61ĐH	ThS. Trần Đình Vương	Tìm hiểu thuật toán và các framework liên quan đến đề tài. Nghiên cứu để tạo ra phần mềm nhằm chặn các tin rác, tin spam. Dự kiến sản phẩm nghiên cứu: Sản phẩm nghiên cứu là một ứng dụng cho phép chặn các tin spam, tin rác trên facebook.	
28.	SV21-22.28	Nghiên cứu và phát triển ứng dụng học lập trình qua các mini game giải đố	Bùi Đức Cường Ngô Minh Tuấn Vũ Quốc Phong	KPM60ĐH	Nguyễn Trung Quân	Khảo sát (nhu cầu người dùng, các ứng dụng tương tự). Đánh giá, đề xuất giải pháp. Phân tích, thiết kế phần mềm ứng dụng và CSDL. Lập trình ứng dụng.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						Triển khai ứng dụng trên các nền tảng. Vận hành thử nghiệm và thu thập phản hồi về hệ thống. Đánh giá, kết luận. Dự kiến sản phẩm nghiên cứu: Một phần mềm ứng dụng (dạng trò chơi) hỗ trợ học tập lập trình với chức năng: cung cấp nội dung các bài học về lập trình dưới dạng các trò chơi, giúp người dùng/học viên tiếp cận việc học tập lập trình một cách hiệu quả, hấp dẫn hơn, luyện tập khả năng tư duy lập trình, có cơ hội để giao lưu thi đấu với nhau. Phần mềm ứng dụng hoạt động trên đa nền tảng (thiết bị di động – hệ điều hành Android và máy tính – hệ điều hành Windows).	
29.	SV21-22.29	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống quản lý thiết bị điện thông minh cho phòng học và phòng làm việc của trường Đại học Hàng hải Việt Nam	Phan Viết Vũ Nguyễn Phương Đông Đặng Văn Khánh	CNT61ĐH CNT60CL	ThS. Phạm Ngọc Duy	Khảo sát (hiện trạng, nhu cầu của nhà trường). Tìm hiểu các hệ thống tương tự hiện nay. Đánh giá, đề xuất giải pháp. Phân tích, thiết kế hệ thống: + Thiết kế mô hình thiết bị phần cứng. + Thiết kế phần mềm ứng dụng nền web và CSDL. Phát triển hệ thống thử nghiệm. Triển khai hệ thống. Vận hành thử nghiệm và đánh giá. Kết luận – Hướng phát triển. Dự kiến sản phẩm nghiên cứu: Một bài báo khoa học đăng trên tạp chí	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						chuyên ngành trong nước. Một báo cáo thuyết minh đề tài NCKH. Một hệ thống thử nghiệm, bao gồm: module thiết bị phần cứng và một phần mềm ứng dụng nền web. Hệ thống cung cấp các chức năng cho phép: quản lý thiết bị điện tại các phòng học và phòng làm việc của nhà trường; theo dõi, giám sát việc sử dụng điện năng kết hợp với lịch làm việc hay thời khóa biểu; điều khiển một số loại thiết bị điện từ xa qua mạng.	
30.	SV21-22.30	Xây dựng ứng dụng báo thức thông minh	Tô Thị Tuyết Lan Đỗ Thị Huế	CNT61ĐH	ThS. Nguyễn Hạnh Phúc	Nghiên cứu công nghệ xây dựng ứng dụng trên thiết bị di động; Tìm hiểu ứng dụng đếm bước chân Tạo ứng dụng báo thức Dự kiến sản phẩm nghiên cứu: Sản phẩm nghiên cứu là một ứng dụng báo thức thông minh mà người dùng phải hoàn thành được thử thách (đi 15 bước chân/ giải 1 bài toán/ ghép 1 bức tranh) để tắt được báo thức.	
31.	SV21-22.31	Xây dựng trợ lý ảo	Vũ Minh Đức Bùi Minh Nghĩa	CNT61ĐH	ThS. Nguyễn Hạnh Phúc	Nghiên cứu công nghệ xây dựng ứng dụng trên thiết bị di động; Tìm hiểu cách để máy tính hiểu được ngôn ngữ mình nói. Đáp ứng lại được các yêu cầu, thao tác, tìm kiếm thông tin mà người dùng đưa ra cho trợ lý ảo. Dự kiến sản phẩm nghiên cứu: Trợ lý ảo là	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						các phần mềm được phát triển dựa trên trí thông minh nhân tạo (AI), hỗ trợ người dùng thực hiện các thao tác, hoặc tìm kiếm thông tin cho người dùng thông qua việc ra lệnh.	
32.	SV21-22.32	Xây dựng ứng dụng hỗ trợ quản lý hoạt động gara oto	Vũ Đức Minh Phạm Đình Đức	KPM59ĐH	TS. Nguyễn Trung Đức	Khảo sát hiện trạng gara ô tô theo gợi ý của Cty thực tập. Đánh giá, đề xuất giải pháp. Phân tích, thiết kế phần mềm ứng dụng và CSDL. Lập trình ứng dụng. Triển khai ứng dụng trên nền web Vận hành thử nghiệm và thu thập phản hồi về hệ thống. Đánh giá, kết luận. Dự kiến sản phẩm nghiên cứu: Một phần mềm ứng dụng chạy trên nền web phục vụ công tác theo dõi, quản lý hoạt động của gara ô tô	
33.	SV21-22.33	Xây dựng hệ thống điều khiển thiết bị bay không người lái bằng cử chỉ con người.	Ninh Văn Chương Bùi Đức Hùng	CNT59ĐH CNT61CL	ThS. Phạm Trung Minh	Nghiên cứu cơ chế lập trình điều khiển hoạt động bay, camera, cảm biến trên thiết bị bay không người lái. Nghiên cứu công nghệ nhận dạng, theo dõi trạng thái bàn tay con người bằng trí tuệ nhân tạo, từ đó phân biệt được các cử chỉ của các ngón tay. Nghiên cứu xây dựng phương trình chuyển động của thiết bị bay không người lái. Dự kiến kết quả nghiên cứu: Xây dựng hệ thống theo dõi và nhận dạng	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						cử chỉ tay của con người. Xây dựng thuật toán điều khiển hoạt động bay của thiết bị bay không người lái dựa trên các loại cử chỉ tay khác nhau.	
VI	Khoa Công trình						
34.	SV21-22.34	Nghiên cứu giải pháp xác định mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển thành phố Hải Phòng	Bùi Nguyễn Ngọc My Nguyễn Bảo Long Phạm Xuân Hùng Nguyễn Thị Ngọc	BDA59ĐH BDA59ĐH BDA61ĐH BDA61ĐH	ThS. Đỗ Hồng Quân	Việc cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển là rất cần thiết để xác định rõ phạm vi ngoài thực địa của hành lang bảo vệ bờ biển tại các khu vực đã được thiết lập, đồng thời góp phần thực hiện việc quản lý các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên trong phạm vi hành lang. Nói cách khác, mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển được sử dụng như một công cụ giúp các cơ quan quản lý nhà nước có thể kiểm soát, ngăn chặn, hạn chế các hoạt động phát triển không phù hợp, không bền vững trong không gian vùng bờ vốn hết sức nhạy cảm, dễ bị tổn thương và đảm bảo an toàn công cộng, lợi ích công cộng, giảm thiểu các rủi ro gây ra do biến đổi khí hậu, nước biển dâng hoặc các quá trình động lực ven biển. Thu thập dữ liệu địa hình khu vực hải phòng Đánh giá các vị trí lựa chọn mốc giới. Xác định thiết kế các mốc giới.	
35.	SV21-22.35	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp quản lý các dự án đầu tư xây	Lương Minh Huy Nguyễn Thị Thanh Thảo Phạm Trung Cảnh	QCX60ĐH	TS. Nguyễn Thị Diễm Chi	Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Nghiên cứu đánh giá thực trạng quản lý	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
		dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại thành phố Hải Phòng.	Nguyễn Thanh Tùng Lại Văn Quyền			các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại Việt Nam nói chung và thành phố Hải Phòng. Nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước trên thế giới, rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam nói chung và thành phố Hải Phòng nói riêng. Xây dựng mô hình tính toán giá trị dự án để hỗ trợ việc phân tích đánh giá dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật bằng phần mềm Excel.	
36.	SV21-22.36	Nghiên cứu nâng cao công tác quản lý nhà nước về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	Đào Thị Mai Anh Tuyết Nguyễn Ngọc Ánh Nguyễn Thùy Dung	QCX61DH	ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trong những năm qua, cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tốc độ phát triển đô thị diễn ra khá nhanh. Đô thị hoá nhanh đồng nghĩa với việc các hạng mục công trình nhanh chóng được xây dựng nhằm đáp ứng kịp thời các nhu cầu về nhà ở, thương mại dịch vụ, sản xuất phát triển của cộng đồng dân cư đô thị. Việc xây dựng các công trình này ở các đô thị đòi hỏi phải được xây dựng theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt và đúng với quy chuẩn, tiêu chuẩn cho phép đối với từng khu vực. Điều này đòi hỏi công tác quản lý xây dựng phải được quan tâm một cách thực sự đúng mức. Trong thời gian gần đây, tuy công tác quản lý trật tự xây dựng đã có những tiến bộ nhất định nhưng chúng ta vẫn phải thẳng thắn nhìn nhận rằng: nhìn chung	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						công tác quản lý hoạt động xây dựng của chính quyền địa phương còn nhiều yếu kém. Tình hình vi phạm trật tự xây dựng đô thị đã và đang là một vấn đề nóng bỏng trong thực tế các đô thị nước ta hiện nay nói chung trên địa bàn thành phố Hải Phòng nói riêng. Yêu cầu quản lý trật tự xây dựng theo đúng quy hoạch và pháp luật, loại trừ hiện tượng phát triển tự phát, tùy tiện không thể kiểm soát nổi là một vấn đề quan trọng hiện nay ở thành phố Hải Phòng.	
37.	SV21-22.37	Nghiên cứu giải pháp thích ứng đặc trưng khí hậu bản địa của phong cách kiến trúc Đông Dương trong không gian căn hộ tại các đô thị của Việt Nam.	Phạm Văn Minh Vũ Vũ Thị Phương Anh	KTD61ĐH	ThS. Nguyễn Thiện Thành	Bắt đầu từ những năm 1880 ở thời kỳ tiền thuộc địa, người Pháp vào Đông Dương khai phá đã mang tới phong cách kiến trúc phương Tây bản địa. Khi đó họ nhận ra rằng khí hậu ở nơi đây đặc biệt là Việt Nam rất khắc nghiệt, nên bản thân kiến trúc sẽ phải thay đổi để thích nghi với điều kiện không thuận lợi, khác với chính quốc. Và kiến trúc Tiền thuộc địa ra đời, là tiền thân của kiến trúc Đông Dương sau này. Việc xử lý thích ứng vi khí hậu của phong cách này để lại một di sản các công trình kiến trúc to lớn, hơn nữa thông qua đó còn gợi mở các giải pháp xử lý vi khí hậu độc đáo. Bằng việc hệ thống hóa các ưu điểm của các thiết kế tiêu biểu, nhóm nghiên cứu chất lọc, khái quát và đưa ra phương án gợi ý cho việc áp dụng những ưu điểm	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						này vào không gian kiến trúc các căn hộ Việt Nam đương đại.	
38.	SV21-22.38	Nghiên cứu tính toán lựa chọn loại khối phù hợp lý cho đề chắn sóng hỗn hợp ngang trong điều kiện Việt Nam	Nguyễn Hải Nam Lê Đình Lộc Nguyễn Hữu Văn Vũ Thúy Dinh	CTT60ĐH CTT60ĐH CTT60ĐH XDD60ĐH	PGS.TS. Lê Thị Hương Giang	Tổng quan về đề chắn sóng và khối phù Cơ sở lý thuyết tính toán đề chắn sóng hỗn hợp ngang. Ứng dụng tính toán lựa chọn khối phù hợp lý cho đề chắn sóng Mỹ Á. Kết luận kiến nghị.	
39.	SV21-22.39	Lựa chọn giải pháp kết cấu hợp lý cho công trình trường học có hành lang bên	Nguyễn Tiến Được Nguyễn Ngọc Đại	XDD59ĐH	ThS. Đỗ Quang Thành	Khảo sát, đánh giá hiện trạng các phương án kết cấu đang được sử dụng cho các công trình nhà lớp học của nhà trường. Nghiên cứu đặc điểm chịu lực của hệ khung bê tông cốt thép toàn khối. Tổng hợp cơ sở tính toán của cột, dầm, sàn, móng bê tông cốt thép. Lập các phương án kết cấu hợp lý khác nhau cho một công trình cụ thể (nhà B5 - giảng đường B). So sánh hiệu quả kinh tế, kỹ thuật của các phương án dựa trên các kết quả tính toán. Tổng hợp, đánh giá, đề xuất.	
VII	Khoa Kinh tế						
40.	SV21-22.40	Đánh giá mức độ sẵn sàng của doanh nghiệp dịch vụ logistics trong việc sử dụng vận đơn điện tử, áp dụng cho một số doanh nghiệp tại Hải	Ngô Thu Hà Phạm Tú Anh Vũ Xuân Phú	LQC59ĐH LQC59ĐH LQC59ĐH	TS. Nguyễn Minh Đức	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về vận đơn điện tử, các điều kiện để sử dụng vận đơn điện tử cũng như các tác động đến doanh nghiệp dịch vụ logistics. Thiết kế và xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá mức độ sẵn sàng của các doanh nghiệp dịch vụ logistics đối với việc sử dụng vận	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
		Phòng.				đơn điện tử. Tiến hành áp dụng bộ tiêu chuẩn và khảo sát tại một số doanh nghiệp dịch vụ logistics tại Hải Phòng, tổng hợp kết quả và đưa ra nhận xét, đánh giá. Đề xuất một số phương hướng, biện pháp cho các bên có liên quan.	
41.	SV21-22.41	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng các phần mềm điều phối chống tắc nghẽn tại các bến cảng container khu vực Hải Phòng.	Phạm Văn Chiến Phạm Nguyễn Minh Khanh Đỗ Thị Quỳnh	LQC59ĐH LQC59ĐH LQC59ĐH	TS. Phạm Thị Yến	Đánh giá các yếu tố đến việc sử dụng các phần mềm để khắc phục tình trạng tắc nghẽn cảng. Đồng thời, tầm quan trọng của yếu tố sẽ được tính toán và thảo luận. Nghiên cứu áp dụng phương pháp AHP là phương pháp phổ biến hỗ trợ việc đưa ra quyết định ảnh hưởng bởi đa tiêu chí để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng các phần mềm điều phối chống tắc nghẽn tại các bến cảng container khu vực Hải Phòng.	
42.	SV21-22.42	Giải pháp giao hàng chặng cuối: Mô hình nhà kho đơn vị U- ware	Lê Trường Sơn Nguyễn Vũ Hương Giang Phạm Thị Huế	LQC59ĐH LQC59ĐH LQC60ĐH	CN. Nguyễn Hữu Hưng	Trong thời buổi thị trường thương mại điện tử ngày càng phát triển, đi kèm với đó là sự phát triển về các dịch vụ giao nhận cũng ngày càng phải tối ưu hơn trong quy trình của mình, mô hình U-ware nhóm đề ra sẽ cho khách hàng có thêm sự lựa chọn trong việc được nhận hàng, giúp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ giao hàng có thể mở rộng quy mô và phát triển hơn chỉ với số vốn nhỏ, đồng thời là tạo thêm được loại hình công việc mới cho xã hội.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
43.	SV21-22.43	Phát triển và đề xuất giải pháp vận tải xanh trong logistics cho các doanh nghiệp Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế.	Đỗ Thùy Linh Bùi Kim Anh Trịnh Thị Ninh Ngọc	LQC59ĐH LQC59ĐH LQC59ĐH	ThS. Nguyễn Thị Cầm Nhung	Nền kinh tế thế giới ngày càng phát triển và đạt nhiều thành tựu, nhưng đi cùng với nó là các tác động tiêu cực của kinh tế tới môi trường. Trong đó 5,5% khí thải toàn cầu xuất phát từ giao thông vận tải và Logistics đây là yếu tố quan trọng góp phần lớn lượng khí thải cacbon do sử dụng nhiên liệu hóa thạch. Chính vì thế, các dự án phát triển về vận tải xanh luôn được quan tâm nhằm làm giảm phát thải ra môi trường có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Sử dụng nguồn nguyên liệu xanh, các phương tiện hoạt động bằng năng lượng tái tạo như gió, mặt trời hay phương tiện vận tải có thiết kế và tính năng an toàn với môi trường sẽ là giải pháp mà ta hướng đến nhằm giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường trong vận tải của các quốc gia.	
44.	SV21-22.44	Đánh giá rủi ro trong quá trình hoạt động tại bến cảng Đình Vũ	Đặng Thị Thu Hằng Trần Thanh Lâm Nguyễn Thị Hạnh	LQC59ĐH LQC59ĐH LQC59ĐH	ThS. Phạm Thị Mai Phương	Nghiên cứu về bến cảng Đình Vũ, các cơ sở vật chất phòng ban chức năng và đưa ra đánh giá các rủi ro trong quá trình hoạt động diễn ra tại các bộ phận của cảng và đề xuất một số giải pháp giảm thiểu rủi ro tại cảng.	
45.	SV21-22.45	Nghiên cứu giải pháp giảm thiểu tắc nghẽn trong hoạt động khai thác kho hàng VDC duyên hải	Nguyễn Tú Anh Đỗ Tiến Đạt Hoàng Phú Đạt	LQC59ĐH LQC59ĐH LQC59ĐH	ThS. Phạm Thị Mai Phương	Tìm hiểu về thực trạng tắc nghẽn trong hoạt động khai thác kho hàng kho hàng như hoạt động nhặt hàng, hoạt động xuất nhập hàng... từ đó đưa ra giải pháp và xây dựng thuật toán tìm con đường ngắn nhất để giảm thiểu thời gian đi lại cũng như	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						luân chuyển hàng trong kho, từ đó giúp giảm thiểu tình trạng tắc nghẽn trong kho hàng.	
46.	SV21-22.46	Nghiên cứu xây dựng các chỉ tiêu đánh giá mức độ chuyển đổi số tại cảng - áp dụng tại các cảng Hải Phòng	Phạm Thị Thu Bích Nguyễn Thị Thanh Nhân Ngô Quang Long	KTB60ĐH KTB60ĐH KTB60ĐH	ThS. Hoàng Thị Minh Hằng	Cơ sở lý luận chuyển đổi số tại cảng và xu hướng phát triển cảng biển thông minh. Phương pháp đánh giá mức độ số hóa cảng. Kết quả đánh giá một số cảng biển tại Hải Phòng. Kết quả đạt được của đề tài: Xây dựng các chỉ tiêu đánh giá mức độ chuyển đổi số tại cảng.	
47.	SV21-22.47	Nghiên cứu cán cân cung – cầu của thị trường tàu container thế giới trước và trong đại dịch covid- 19 (2019 - 2021)	Nguyễn Thị Nguyệt Hà Vũ Thị Hoài Linh Nguyễn Thị Ngân Vũ Thị Thùy Trang Mai Thị Ý	KTB60ĐH KTB60ĐH KTB60ĐH KTB60ĐH KTB60ĐH	ThS. Nguyễn Thị Hương Giang	Thu thập, xử lý và phân tích số liệu liên quan đến các yếu tố cung cầu của thị trường tàu container. Từ đó, làm rõ được sự chênh lệch của cán cân cung – cầu này có ảnh hưởng như thế nào đến thị trường vận tải biển thế giới.	
48.	SV21-22.48	GOLOGS- Ứng dụng tối ưu hóa giao hàng chặng cuối bằng cách sử dụng Mapping và con Bot	Phạm Tuyết Mai Vũ Hải Linh Bùi Quang Gia Thịnh Hoàng Trung Hiếu	LQC60ĐH KTB60ĐH LQC60ĐH LQC62ĐH	ThS. Nguyễn Minh Phương	Ứng dụng kế hợp Map và con Bot để tìm kiếm và đưa ra quãng đường ngắn nhất tối ưu quãng đường và nhiên liệu cho mỗi đơn hàng và con Bot giúp tối ưu hoá nhân công ở mỗi trung tâm khai thác của khách hàng.	
49.	SV21-22.49	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của thị trường vận tải biển hàng khô trong giai đoạn 2016 – 2021	Nguyễn Thị Thanh Phương Đoàn Thị Bích Ngọc Đặng Thái Hoa	KTB60ĐH KTB60ĐH KTB60ĐH	ThS. Nguyễn Minh Phương	Nghiên cứu những yếu tố tác động và gây ảnh hưởng mạnh đến thị trường vận tải biển trong giai đoạn 2016 – 2021, trong đó bao gồm sự biến đổi về hàng hóa, lượng cung và giá cước. Đồng thời đề tài đi sâu vào tìm hiểu rõ hơn về các nguyên nhân, các yếu tố tác động đến cung, cầu của thị trường.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nếu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						Từ đó giúp cho các công ty vận tải biển và những nhà trung gian thương mại có thể hiểu rõ về thị trường và đưa ra được các quyết định kinh doanh phù hợp trong từng thời điểm. Bên cạnh đó, đề tài còn giúp ích trong việc nghiên cứu về học thuật của sinh viên thuộc chuyên ngành Kinh tế vận tải biển.	
50.	SV21-22.50	Nghiên cứu đề xuất các biện pháp nhằm giảm chi phí chuyển đi trong khai thác đội tàu hàng khô của Công ty Cổ phần vận tải biển (VOSCO) đáp ứng các quy định mới của IMO về sử dụng nhiên liệu hàng hải.	Nguyễn Lê Hoài Trang Ngô Thị Mỹ Hạnh Nguyễn Thị Ngọc Lan	KTB59ĐH KTB59ĐH KTB59ĐH	ThS. Hồ Thị Thu Lan	Cơ sở lý luận về chi phí khai thác của đội tàu hàng khô. Đánh giá ảnh hưởng từ quy định của IMO về sử dụng nhiên liệu hàng hải đến chi phí khai thác đội tàu hàng khô của Công ty Cổ phần vận tải biển (VOSCO). Đề xuất các biện pháp nhằm giảm chi phí chuyển đi trong khai thác đội tàu hàng khô của Công ty Cổ phần vận tải biển (VOSCO) đáp ứng các quy định mới của IMO về sử dụng nhiên liệu hàng hải.	1.
51.	SV21-22.51	Nghiên cứu dự tính các khoản mục chi phí chính cần thiết để chuyển đổi một số cảng biển khu vực Cảng Hải Phòng đáp ứng tiêu chí cảng xanh nhằm tạo lợi thế trong cạnh tranh cảng biển giai đoạn 2021-2025	Nguyễn Lê Hải Vân Đỗ Thị Thiên Hương Nguyễn Vũ Thảo Anh	KTB59ĐH KTB59ĐH KTB59ĐH	TS. Phạm Việt Hùng	Các tiêu chí cảng xanh tại Việt Nam và Quốc tế, kinh nghiệm tại một số cảng biển điển hình trên thế giới, quá trình và cách thức chuyển đổi thành cảng xanh, thực trạng của một số cảng biển tại khu vực cảng Hải Phòng, các chi phí để chuyển đổi các cảng biển đáp ứng tiêu chí cảng xanh, từ đó đề xuất quá trình và cách thức chuyển đổi thành cảng xanh áp dụng cho một số cảng điển hình. Khuyến nghị các giải pháp thực hiện.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
52.	SV21-22.52	Nghiên cứu bộ tiêu chí về quản lý môi trường và quản lý cảng xanh của Tổ chức cảng biển Châu Âu (ESPO), đề xuất bộ tiêu chí đánh giá cảng xanh phù hợp với cảng biển Việt Nam, thí điểm áp dụng đánh giá tại khu vực cảng biển Hải Phòng	Nguyễn Thị Hồng Nhung Lê Ngọc Anh Đinh Thị Ngọc Bích	KTB59ĐH KTB59ĐH KTB59ĐH	TS. Phạm Việt Hùng	Nghiên cứu bộ tiêu chí về quản lý môi trường và quản lý cảng xanh của Tổ chức cảng biển Châu Âu (ESPO). Thiết lập được bộ tiêu chí đánh giá cảng xanh phù hợp với cảng biển Việt Nam. Áp dụng bộ tiêu chí đó để đánh giá tại khu vực cảng biển Hải Phòng.	
53.	SV21-22.53	Một số biện pháp thúc đẩy vận chuyển container bằng đường thủy nội địa tuyến Hải Phòng (Lạch Huyện) - Bắc Ninh (ICD Quế Võ) giai đoạn 2022÷2025.	Nguyễn Thị Thùy Dương Lã Thảo Ly Hoàng Thị Huyền	KTT59ĐH KTT59ĐH KTT59ĐH	ThS. Bùi Thanh Hải	Tìm hiểu về thực trạng vận chuyển container bằng đường thủy nội địa tuyến Hải Phòng (Lạch Huyện) - Bắc Ninh (ICD Quế Võ). Đề xuất một số biện pháp thúc đẩy vận chuyển container bằng đường thủy nội địa tuyến Hải Phòng(Lạch Huyện) - Bắc Ninh(ICD Quế Võ) giai đoạn 2022÷2025.	
54.	SV21-22.54	Tác động của covid 19 đến hoạt động quản lý và khai thác cảng Hải Phòng giai đoạn 2019 - 2021	Phạm Mai Phương Phạm Thị Hồng Phượng Vũ Như Quỳnh	KTB60ĐH KTB60ĐH KTB60ĐH	ThS. Bùi Thanh Hải	Xác định những ảnh hưởng của covid 19 đến hoạt động quản lý và khai thác cảng. Đề ra giải pháp về quản lý cảng và các phương án về hoạt động khai thác để có những phương án ứng biến kịp thời nếu trong tương lai có những cú sốc tương tự nhằm giảm các tình trạng suy thoái cũng như những tác động mạnh mẽ đến hoạt động của cảng Hải Phòng.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
55.	SV21-22.55	Nghiên cứu vai trò kết nối của các ICD tại khu vực miền Bắc	Phạm Minh Thu Đặng Thị Hào Đồng Thị Thu Nguyễn Đăng Hải	LQC60ĐH LQC61ĐH LQC60ĐH LQC60ĐH	ThS. Nguyễn Thị Hường	Nghiên cứu vai trò của các ICD trong vận tải đa phương thức, góp phần giảm ùn tắc tại cảng biển và giao thông đô thị, giảm chi phí vận chuyển và thời gian lưu hàng tại cảng biển.	
56.	SV21-22.56	Một số biện pháp nhằm giảm chi phí quản lý và khai thác đội tàu thủy nội địa tại Việt nam	Vũ Đức Tâm Phạm Thị Mận Đồng Thị Hà Phương	KTT59ĐH KTT59ĐH KTT59ĐH	ThS. Nguyễn Thị Hường	Nghiên cứu thực trạng các chi phí về quản lý và khai thác đội tàu thủy nội địa tại VN hiện nay. Đề xuất một số biện pháp nhằm giảm chi phí về quản lý và khai thác đội tàu thủy nội địa.	
57.	SV21-22.57	Nghiên cứu đánh giá thực trạng tai nạn giao thông đường thủy nội địa liên quan đến phương tiện và giải pháp phòng ngừa ở Việt nam	Trần Thị Thuý Linh Khoa Thị Minh Phương Lê Thị Hạnh Đỗ Lê Dương Phạm Phương Thảo	KTT59ĐH KTT59ĐH KTT59ĐH KTT59ĐH KTT59ĐH	TS. Vương Thị Hương Thu	Nghiên cứu và đánh giá thực trạng tai nạn giao thông đường thủy nội địa liên quan đến phương tiện thủy nội địa . Đề xuất một số biện pháp phòng ngừa ở Việt Nam	
58.	SV21-22.58	Nghiên cứu tiềm năng sử dụng tiền điện tử tại Việt Nam	Thái Bảo Ngọc Trương Diệu Linh Tạ Thu Hà	KTN59ĐH KTN59ĐH KTN59ĐH	ThS. Lương Thị Kim Oanh ThS. Đoàn Thị Thu Hằng	Nghiên cứu thực trạng và tiềm năng sử dụng các loại tiền điện tử tại thị trường Việt Nam dựa trên cơ sở vật chất, kỹ thuật, tiềm lực kinh tế và giải pháp thúc đẩy việc sử dụng loại tiền này.	
59.	SV21-22.59	Nghiên cứu các biện pháp thúc đẩy việc sử dụng ví điện tử của sinh viên	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh Phạm Thị Hồng Nguyễn Thanh Lâm	KTN60ĐH KTN60ĐH KTN60ĐH	ThS. Lương Thị Kim Oanh	Nghiên cứu những lợi ích của việc sử dụng ví điện tử. Thực trạng, tiềm năng, các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng ví điện tử của sinh viên. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, từ đó tìm ra giải pháp thúc đẩy hành vi sử dụng ví điện tử của sinh viên, góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế số của Việt Nam.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
60.	SV21-22.60	Nghiên cứu xây dựng mô hình dự báo các nhân tố chính tác động đến chiến lược xây dựng cảng Xanh tại các cảng Việt Nam: áp dụng tại khu vực Hải Phòng.	Phùng Thị Hải Yến Trịnh Thúy Nguyệt Hoàng Thanh Huyền	KTN60ĐH KTN60ĐH KTN60ĐH	TS. Lê Sơn Tùng	Nghiên cứu về tác động xấu của cảng biển ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe con người và nền kinh tế, từ đó đề cập đến tính cấp thiết của việc xây dựng chiến lược cảng xanh (Green port) tại các cảng Việt Nam. Qua đó nghiên cứu xây dựng mô hình dự báo về các nhân tố thuận lợi và khó khăn chính tác động đến chiến lược, giúp cho các doanh nghiệp, đặc biệt tại khu vực Hải Phòng có thể thuận lợi thực hiện được đề án cảng xanh trong tương lai.	
61.	SV21-22.61	Nghiên cứu xây dựng mô hình logistics thu hồi vải vụn: áp dụng cho khu vực thành phố Hải Phòng	Tiêu Hồng Nhung Vũ Hải Hà Đào Thị Phương Thảo	KTN60ĐH KTN60ĐH KTN60ĐH	TS. Lê Sơn Tùng	Nghiên cứu về tác động của sự tồn đọng vải vụn ảnh hưởng như thế nào đến môi trường, các vấn nạn có nguy cơ phát sinh từ đó đưa ra các giải pháp tái chế cho vải vụn, tìm ra nguồn nguyên liệu mới cho ngành may dệt có khả năng tái chế cao, thay thế các loại vải phổ biến trên thị trường.	
62.	SV21-22.62	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến nhượng quyền thương mại - Franchise đối với cà phê Việt Nam trên thế giới.	Bùi Duy Quang Trịnh Thị Trang Nhung Phạm Thị Mỹ Ngọc	KTN60ĐH KTN60ĐH KTN60ĐH	ThS. Đoàn Trọng Hiếu	Nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến nhượng quyền thương mại, cụ thể là nhượng quyền thương mại cà phê Việt Nam trên thế giới.	
63.	SV21-22.63	Nghiên cứu thực trạng và giải pháp xây dựng thương hiệu cộng đồng cho nông sản Việt Nam xuất khẩu	Trịnh Thùy Dương Ngô Thị Quế Anh Nguyễn Thị Thùy Linh	KTN59ĐH KTN59ĐH KTN59ĐH	ThS. Đoàn Thị Thu Hằng	Nông sản Việt Nam mặc dù đạt chất lượng cao, được công nhận nhưng lại chưa được quan tâm đến việc xây dựng thương hiệu, khiến cho các sản phẩm có xuất xứ Việt Nam nhưng lại đăng kí thương hiệu tại các	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						thị trường nước ngoài (gạo ST 24, ST 25, café Buôn Mê Thuật...). Qua bài nghiên cứu này, nhóm chúng em sẽ đi sâu vào tìm hiểu, phân tích các nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó, từ đó đưa ra một số giải pháp, kiến nghị để khắc phục vấn đề này	
64.	SV21-22.64	Khủng hoảng chip điện tử toàn cầu: thực trạng, nguyên nhân và cơ hội cho Việt Nam	Đỗ Thị Trang Nhung Nguyễn Thuỳ Dương Đinh Thị Tuyết Trinh	KTN59ĐH KTN59ĐH KTN59ĐH	ThS. Đoàn Thị Thu Hằng	Nghiên cứu về thách thức khan hiếm chip do cuộc khủng hoảng, đứt gãy nguồn cung chip trên toàn cầu, khiến cho các ngành công nghiệp tỷ đô như sản xuất xe hơi, điện tử đối mặt với sự trì trệ, thậm chí phải ngừng hoạt động do không có nguyên liệu đáp ứng cho quá trình sản xuất. Từ đó, tìm ra những cơ hội, tiềm năng để giúp Việt Nam được đánh giá là một đất nước đang trong quá trình hội nhập kinh tế và phát triển về công nghệ nhưng lại “ghập ghềnh” trong sản xuất vi mạch điện tử, có thể nhanh chóng gia nhập và tiếp cận vào thị trường sản xuất chip bán dẫn đầy tiềm năng này.	
65.	SV21-22.65	Văn hoá đúng giờ trong các doanh nghiệp logistics tại Việt Nam	Nguyễn Đăng Thanh Nhi Phạm Thu Huyền Nguyễn Thị Thảo	KTN59ĐH KTN59ĐH KTN59ĐH	ThS. Đoàn Trọng Hiếu	Thực trạng việc đúng giờ trong các doanh nghiệp logistics tại Việt Nam. Tầm quan trọng của văn hoá đúng giờ trong doanh nghiệp. Những ảnh hưởng tiêu cực khi không áp dụng văn hoá đúng giờ trong các doanh nghiệp. Ảnh hưởng tích cực cho các doanh nghiệp áp dụng văn hoá đúng giờ.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nếu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						Những yếu tố tác động đến văn hoá đúng giờ của các doanh nghiệp.	
66.	SV21-22.66	Nghiên cứu tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam	Nguyễn Thu Hoài Vũ Quang Minh Bùi Thị Vân Anh	KTN60ĐH KTN60ĐH KTN60ĐH	ThS. Nguyễn Quỳnh Trang	Dựa trên thực trạng, tình hình thực tế của các dự án FDI tại Việt Nam trong những năm gần đây để đánh giá được những tác động của FDI và thấy được tầm quan trọng của FDI đối với sự tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam. Từ đó đề xuất các chiến lược cụ thể nhằm xúc tiến các nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.	
67.	SV21-22.67	Nghiên cứu tác động của dòng vốn FDI tới hoạt động xuất khẩu linh kiện điện tử của Việt Nam	Nguyễn Thị Mỹ Duyên Nguyễn Thu Hà	KTN60ĐH KTN60ĐH	ThS. Nguyễn Quỳnh Trang	Đề tài giúp chỉ ra những tác động của nguồn vốn FDI tới hoạt động xuất khẩu linh kiện điện tử của Việt Nam. Từ đó giúp chúng ta thấy được những tiềm năng, cơ hội mà dòng vốn FDI mang tới nước ta đồng thời còn tồn tại những nguy cơ, thách thức cần giải quyết và khắc phục. Cuối cùng đề tài này thể hiện sự phát triển của một trong những mặt hàng mũi nhọn của Việt Nam - ngành hàng linh kiện điện tử.	
68.	SV21-22.68	Nghiên cứu lời truyền miệng trong hoạt động thương mại điện tử	Nguyễn Hương Giang Nguyễn Thị Yên Nhi Bùi Thị Hồng Nhung	KTN60ĐH KTN60ĐH KTN60ĐH	ThS. Huỳnh Tất Minh	Nghiên cứu quyết định mua hàng trong thương mại điện tử Nghiên cứu lời truyền miệng Sử dụng các phương pháp nghiên cứu tìm ra kết quả mối tương quan giữa lời truyền miệng và quyết định mua hàng trong thương mại điện tử. Thông qua kết quả đạt được, đánh giá rủi ro và cơ hội, qua đó có thể đưa ra các quyết định đúng đắn trong thương mại điện tử.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
69.	SV21-22.69	Nghiên cứu phát triển ứng dụng (app) trong kiểm soát việc mua bán hàng hóa quốc tế, trường hợp mua hàng lẻ từ Trung Quốc về Việt Nam	Trần Ngân Chung Nguyễn Hoàng Hà Phương Phạm Thị Hiền	KTN59ĐH KTN59ĐH KTN59ĐH	TS. Bùi Thị Thanh Nga	Tìm hiểu về việc mua bán hàng hóa quốc tế. Tìm hiểu về ứng dụng công nghệ trong kiểm soát việc mua bán hàng hóa quốc tế. Thực trạng trong việc kinh doanh mua bán hàng lẻ từ Trung Quốc về Việt Nam. Giới thiệu ứng dụng để kiểm soát việc mua hàng lẻ từ Trung Quốc về Việt Nam Phân tích SWOT về ứng dụng trên so với các ứng dụng khác trên thị trường. Kiểm định sự hiệu quả của ứng dụng.	
70.	SV21-22.70	Ứng dụng thương mại điện tử trong xuất khẩu nông sản Việt Nam	Vũ Huyền Anh Nguyễn Thị Đào Lương Thị Kim Oanh	KTN59ĐH KTN59ĐH KTN59ĐH	ThS. Phan Thị Bích Ngọc	Nghiên cứu thực trạng và tìm ra giải pháp thúc đẩy xuất khẩu mặt hàng nông sản qua nền tảng thương mại điện tử.	
71.	SV21-22.71	Nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành dịch vụ logistics Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế	Phạm Nhật Minh Lê Thị Ánh Ngọc Trịnh Thị Mai Phương	KTN60ĐH KTN60ĐH KTN60ĐH	ThS. Trần Hải Việt	Cơ sở lý luận về năng lực cạnh tranh ngành dịch vụ Logistics tại một quốc gia trong bối cảnh hội nhập. Thực trạng cạnh tranh ngành dịch vụ Logistics Việt Nam trong bối cảnh hội nhập. Định hướng, giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành dịch vụ Logistics Việt Nam trong những năm tới.	
72.	SV21-22.72	Thực trạng và triển vọng xuất khẩu của ngành giày da sau khi ký kết hiệp định EVFTA	Phạm Trường Giang Ngô Trần Thu Thảo Hoàng Quốc Khánh	KTN60ĐH KTN60ĐH KTN60ĐH	ThS. Phan Thị Bích Ngọc	Nghiên cứu thực trạng và giải pháp để thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng giày da sang thị trường Tây Âu.	
73.	SV21-22.73	FDI tại Hải Phòng – thực trạng và giải pháp	Trần Phú Vinh Lê Thị Thanh Nhân Phạm Ngọc Anh Nguyễn Hạ Gia Yến	KTN59ĐH KTN59ĐH KTN59ĐH KTN59ĐH	ThS. Lê Thị Quỳnh Hương	Nghiên cứu thực trạng và giải pháp của các doanh nghiệp FDI của Hải Phòng. Trên cơ sở nghiên cứu tìm ra cơ hội, thách thức và đề xuất một số giải pháp nâng cao	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						cho đầu tư FDI tại Hải Phòng.	
74.	SV21-22.74	Tác động của chuyển đổi số đến xuất khẩu vải thiều trong việc tận dụng các cơ hội từ EVFTA	Nguyễn Thị Quỳnh My Nguyễn Tú Mai Linh Bùi Thị Phương Thảo	KTN60ĐH KTN60ĐH KTN60ĐH	ThS. Lê Thị Quỳnh Hương	Nghiên cứu thực trạng và tiềm năng phát triển của việc áp dụng chuyển đổi số trong xuất khẩu mặt hàng vải thiều sang thị trường châu Âu hiện nay thông qua những chính sách từ Hiệp định thương mại tự do Liên minh Châu Âu – Việt Nam. Trên cơ sở nghiên cứu tìm ra cơ hội, thách thức và đề xuất một số giải pháp nâng cao số hóa hoạt động xuất khẩu vải thiều.	
75.	SV21-22.75	Giải pháp thúc đẩy xuất khẩu tại chỗ thông qua du lịch tại Hải Phòng	Nguyễn Thị Kim Ngân Hoàng Thu Trang Tạ Như Quỳnh	KTN59ĐH KTN59ĐH KTN59ĐH	ThS. Phạm Thị Phương Mai	Cơ sở lý luận về xuất khẩu tại chỗ thông qua du lịch. Thực trạng xuất khẩu tại chỗ thông qua du lịch tại Hải Phòng giai đoạn từ năm 2016 đến 2020. Giải pháp thúc đẩy xuất khẩu tại chỗ thông qua du lịch tại Hải Phòng.	
76.	SV21-22.76	Đánh giá việc ứng dụng smartlog trong việc giảm chi phí logistics tại Việt Nam.	Nguyễn Mạnh Hoàng Phạm Minh Hoàn Nguyễn Thị Huệ	KTN59ĐH KTN59ĐH KTN59ĐH	ThS. Phạm Thị Phương Mai	Cơ sở lý luận về Smartlog. Thực trạng ứng dụng Smartlog tại Việt Nam. Đánh giá việc ứng dụng Smartlog trong việc giảm chi phí logistics tại Việt Nam.	
77.	SV21-22.77	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thanh toán điện tử của người tiêu dùng Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19	Phạm Hiếu Hào Phạm Nhật Anh. Đào Thị Xuân Yến. Đặng Kim Chi	KTN60ĐH KTN60ĐH KTN60ĐH KTN60ĐH	ThS. Nguyễn Thị Khánh Ngọc	Nghiên cứu thực tế ảnh hưởng của đại dịch lên khả năng sử dụng thanh toán điện tử của người tiêu dùng. Nghiên cứu và xây dựng mô hình dự đoán các nhân tố quyết định khi người tiêu dùng sử dụng thanh toán điện tử tại Việt Nam. Qua đó tìm ra những khuyến nghị khuyến khích người dân sử dụng thanh toán điện tử cả trong	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						mua bán trực tiếp và trực tuyến, giảm bớt nguy cơ lây nhiễm từ việc sử dụng tiền mặt.	
78.	SV21-22.78	Phát triển hệ thống quản lý cảng qua phần mềm công nghệ thông tin	Nguyễn Việt Sơn Nguyễn Quang Huy Đỗ Việt Hoàng	LQC60ĐH LQC60ĐH LQC60ĐH	ThS. Phạm Văn Huy	Nghiên cứu và đưa ra giải pháp về công nghệ thông tin khiến cho cảng biển nâng cao được năng xuất khai thác hàng hoá, thúc đẩy phát triển Logistics cảng biển tại Hải Phòng. Kết quả nghiên cứu sẽ hỗ trợ doanh nghiệp khai thác cảng trong việc quản lý cảng biển, giảm ùn tắc trong bãi cũng như tại cổng cảng, nâng cao tốc độ làm hàng của cảng trực và tổ chức khai thác cảng một cách khoa học và hiệu quả hơn.	
79.	SV21-22.79	Đánh giá hiệu quả khai thác kho CFS- HLC tại Công ty TNHH Yusen Logistics	Phạm Thị Thoa Lê Thị Duyên Trần Thu Hà	LQC59ĐH LQC59ĐH LQC59ĐH	ThS. Phạm Văn Huy	Thông qua số liệu thu thập kết hợp với các công cụ nghiên cứu, phân tích cùng kinh nghiệm thực tế đã thực tập tại kho để đưa ra những đánh giá nhận định về kết quả khai thác các hoạt động tại kho CFS (tình hình hàng xuất - nhập kho, hiệu quả khai thác cơ sở vật chất - trang thiết bị, hiệu quả hệ thống quản lý kho...). Nhìn nhận thực trạng, tìm hiểu nguyên nhân và đề ra giải pháp để cải thiện những sai sót hạn chế trong quá trình khai thác kho. Tổng quan về thực trạng và hiệu quả khai thác một kho CFS cụ thể, đưa ra nguyên nhân và giải pháp khắc phục những hạn chế trong quá trình khai thác kho, có cơ hội áp dụng những kiến thức đã học	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						và tìm hiểu thêm các lý luận, phương pháp nghiên cứu mới. Sản phẩm nghiên cứu là một nguồn tham khảo giúp ích cho hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Yusen Logistics.	
80.	SV21-22.80	Nâng cao khả năng cạnh tranh của cảng Nam Đình Vũ	Nguyễn Thị Ngọc Chi Đoàn Ngọc Quỳnh Anh Nguyễn Thị Hà Nguyễn Thị Hải Yến	LQC60ĐH LQC60ĐH LQC60ĐH LQC60ĐH	ThS. Hoàng Thị Lịch	Thông qua số liệu thu thập kết hợp với các công cụ nghiên cứu, phân tích cùng kinh nghiệm thực tế để đưa ra những đánh giá nhận định về kết quả khai thác các hoạt động tại cảng Nam Đình Vũ (tình hình hàng xuất - nhập khẩu, hiệu quả khai thác cơ sở vật chất - trang thiết bị, hiệu quả hệ thống quản lý kho...) Đưa ra thực trạng, nguyên nhân và giải pháp khắc phục những hạn chế, nâng cao khả năng cạnh tranh trong quá trình khai thác cảng. Sản phẩm nghiên cứu là một nguồn tham khảo giúp ích cho hoạt động của cảng Nam Đình Vũ.	
81.	SV21-22.81	Phát triển Logistics ngược ở Việt Nam	Trần Thu Hiền Trần Ngọc Anh Nguyễn Thị Hoa	LQC59ĐH LQC59ĐH LQC59ĐH	ThS. Quãn Thị Thùy Dương	Việc thu hồi hàng hóa, phế liệu sản xuất, bao bì,...là hiện tượng phổ biến mà các nhà sản xuất, doanh nghiệp cũng như các nhà cung cấp dịch vụ Logistics thường xuyên phải đối mặt. Đặc biệt, dưới áp lực cạnh tranh gay gắt về vấn đề ô nhiễm môi trường như hiện nay, Logistics ngược sẽ là một trong những giải pháp mà chúng em đưa ra để giúp các doanh nghiệp Việt Nam có thể tiết kiệm chi phí, nâng cao dịch vụ khách hàng và hơn hết là tạo dựng hình	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						ảnh “xanh” cho doanh nghiệp. Sản phẩm giúp hỗ trợ doanh có thể tiết kiệm các khoản chi phí như: giảm thiểu chi phí bao bì, tiết kiệm nguyên vật liệu nhờ việc tái sản xuất, thu hồi những giá trị còn thừa lại của những sản phẩm đã bị bỏ,... Một điều ý nghĩa với Cộng đồng là Logistics ngược góp phần bảo vệ môi trường tốt hơn.	
82.	SV21-22.82	Phát triển logistics trong thương mại điện tử ở Việt Nam	Nguyễn Vương Long Khánh Đặng Thị Thu Hằng Hoàng Thị Bích Việt	LQC59ĐH LQC59ĐH LQC59ĐH	ThS. Quãn Thị Thùy Dương	Nghiên cứu đưa ra giải pháp nhằm góp phần phát triển Logistics trong thương mại điện tử ở nước ta, giúp cho các doanh nghiệp có thể tiếp cận được nhiều khách hàng tiềm năng, tăng doanh thu và tiết kiệm các chi phí cần thiết. Sản phẩm giúp các doanh nghiệp, các thương nhân đang kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử trong việc quản lý tồn trữ, giảm bớt các chi phí khác trong quá trình vận hành và hệ thống hóa quy trình xử lý một đơn hàng một cách cụ thể và hiệu quả nhất có thể.	
83.	SV21-22.83	Nghiên cứu giải pháp tối ưu hóa luồng lưu chuyển vỏ container rỗng – Cổng thông tin CR	Trần Đỗ Hà Vi Lê Thị Anh Vân Nguyễn Thị Minh Thu	LQC60ĐH LQC60ĐH LQC60ĐH	ThS. Bùi Thị Thùy Linh	Cơ sở lý luận về lưu chuyển vỏ container rỗng. Thực trạng lưu chuyển vỏ container tại Việt Nam. Đề xuất giải pháp tối ưu hóa luồng lưu chuyển vỏ container rỗng thông qua cổng thông tin CR. Mô phỏng cổng thông tin CR.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
84.	SV21-22.84	Phát triển chuỗi cung ứng lạnh nhằm nâng cao giá trị nông sản xuất khẩu của Việt Nam	Phạm Thị Minh Châu Nguyễn Khánh Linh Nguyễn Hoàng Minh Hậu Đỗ Thị Vân Anh	LQC59ĐH LQC59ĐH LQC59ĐH LQC59ĐH	ThS. Bùi Thị Thùy Linh	Nghiên cứu những khó khăn thách thức trong quy trình xuất khẩu nông sản của Việt Nam, từ việc thu hoạch nông sản đến việc bảo quản lạnh và vận chuyển lạnh. Từ những khó khăn, thách thức đó xác định tầm quan trọng của việc phát triển chuỗi cung ứng lạnh và tìm ra những giải pháp phù hợp để cải thiện chuỗi cung ứng lạnh ở Việt Nam.	
85.	SV21-22.85	Phát triển sàn giao dịch vận tải đa phương thức thể hệ mới T.E.M	Cao Đức Mạnh Vũ Thị Minh Ngọc Vũ Đại Nghĩa	LQC59ĐH LQC59ĐH LQC59ĐH	TS. Hoàng Thị Lịch	Cơ sở lý luận về phát triển sàn giao dịch vận tải đa phương thức thể hệ mới T.E.M. Thực trạng sàn giao dịch vận tải đa phương thức hiện nay. Đề xuất giải pháp – Phát triển sàn giao dịch vận tải đa phương thức thể hệ mới. Mô phỏng sàn giao dịch vận tải đa phương thức thể hệ mới T.E.M.	
86.	SV21-22.86	Phân tích và đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Cảng Hải An trong những năm gần đây.	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh Vũ Thu Hằng Nguyễn Thị Hà	KTB59ĐH KTB59ĐH KTB59ĐH	ThS. Trương Thế Hinh	Tìm ra những yếu tố tác động gây ảnh hưởng đến sự thay đổi về chỉ số của các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh qua các năm của cảng Hải An và nguyên nhân gây ra sự thay đổi đó cũng như đưa ra các biện pháp.	
87.	SV21-22.87	Nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của dịch COVID-19 lên sản lượng và sản lượng nhập hàng container (FCL) của cảng Hoàng Diệu.	Vũ Hải Vương Nguyễn Văn Đức Long Phạm Đức Tú Nguyễn Bảo Long	KTB59ĐH KTB59ĐH KTB59ĐH KTB59ĐH	TS. Phạm Thị Thu Hằng	Đưa ra những biện pháp cũng như kịch bản, tình huống để giải quyết và phòng ngừa trong tương lai do ảnh hưởng của dịch Covid đến sản lượng hàng nhập của cảng (nhập cont FCL).	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
88.	SV21-22.88	Phân tích thực trạng và đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác đội tàu dầu tại Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOSCO)	Mai Thị Ánh Tuyết Nguyễn Thị Thùy Lê Thùy Dương	KTB59ĐH KTB59ĐH KTB59ĐH	TS. Phạm Thị Thu Hằng	Phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác đội tàu dầu tại Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOSCO).	
89.	SV21-22.89	Giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác đội tàu container của Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco) trong giai đoạn 2022-2025	Ngô Minh Ngọc	KTB59ĐH	TS. Nguyễn Thị Thúy Hồng	Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả khai thác đội tàu container của Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam. Trên cơ sở đó, đề án sẽ đề xuất một số biện pháp cụ thể và các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả khai thác đội tàu container của Công ty phù hợp với xu thế phát triển sắp tới của cả nước và thế giới.	
90.	SV21-22.90	Nghiên cứu về tình hình nguồn nhân lực của công ty VTB VOSCO trong thời kỳ dịch bệnh Covid - 19.	Đỗ Thị Lý Ngô Thị Ánh Dương Trần Thu Trang Trịnh Thị Phương Oanh	KTB59ĐH KTB59ĐH KTB59ĐH KTB59ĐH	TS. Nguyễn Thị Thúy Hồng	Phân tích tình hình sử dụng nguồn nhân lực và đưa ra giải pháp để cân đối cũng như sử dụng nguồn nhân lực một cách hiệu quả và tối ưu Công ty VTB VOSCO trong thời điểm dịch bệnh.	
91.	SV21-22.91	Nghiên cứu tình trạng thuyền viên của “công ty cổ phần Hàng Hải Liên Minh” trong thời kỳ dịch bệnh Covid-19	Nguyễn Thị Lam Phương Đặng Hồng Nhung Trần Hoàng Long	KTB59ĐH KTB59ĐH KTB59ĐH	ThS. Trương Thế Hinh	Đưa ra phương án để cải thiện tình trạng thuyền viên trong thời kỳ dịch bệnh covid 19 của “công ty cổ phần Hàng Hải Liên Minh” trong thời kỳ dịch bệnh Covid-19.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nếu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
92.	SV21-22.92	Phân tích tình hình thực hiện chỉ tiêu sản lượng, dự báo sản lượng thông qua cảng Đoạn Xá giai đoạn 2022 - 2026.	Phạm Thị Minh Hoà Phùng Trang Linh Đào Thị Hằng Nga Nguyễn Kỳ Oanh	KTB59ĐH KTb59ĐH KTb59ĐH KTb59ĐH	ThS. Trương Thị Như Hà	Phân tích và dự báo sản lượng thông qua của Công ty Cổ phần cảng Đoạn Xá giai đoạn 2022 – 2026 bằng các phương pháp dự báo thống kê ngắn hạn.	
93.	SV21-22.93	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thời gian giải phóng tàu và giải pháp tiết kiệm thời gian đối với tàu cont của cảng Tân Vũ	Lê Ngọc Anh Nguyễn Thị Hồng Nhung Nguyễn Trần Sơn Đinh Thị Ngọc Bích	KTb59ĐH KTb59ĐH KTb59ĐH KTb59ĐH	ThS. Nguyễn Bích Ngọc	Đề xuất giải pháp rút ngắn thời gian kiểm tra dịch tễ, đẩy nhanh quá trình làm hàng, giải phóng tàu cont tại cảng Tân Vũ.	
94.	SV21-22.94	Tìm hiểu thực trạng và đề xuất giải pháp cho việc điều phối phương tiện vận tải container đường bộ tại Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Vận tải Hưng Hà trong thời kỳ đại dịch COVID-19 hiện nay.	Nguyễn Hoàng Long Phạm Thị Diệp Anh Phạm Thị Thanh Hoa Nguyễn Thu Hà	KTb59ĐH KTb59ĐH KTb59ĐH KTb59ĐH	ThS. Trương Thị Như Hà	Đề xuất phương pháp quản lý và điều phối hoạt động vận tải container đường bộ hiệu quả hơn, giúp công ty tiết kiệm tối đa chi phí dịch tễ phát sinh trong thời kỳ dịch bệnh. Tối ưu hóa năng suất làm việc của đội xe.	
95.	SV21-22.95	Nghiên cứu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thuyền viên trong đại dịch Covid-19 của công ty Cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài InLaCo.	Mai Anh Trúc Đoàn Hoàng Quý Nguyễn Mạnh Cường Luu Hải Quang	KTb59ĐH KTb59ĐH KTb59ĐH KTb59ĐH	ThS. Hồ Thị Thu Lan	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thuyền viên của Công ty InLaCo.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
96.	SV21-22.96	Phân tích doanh thu, lợi nhuận hoạt động kinh doanh vận tải giao nhận hàng hóa bằng container trong mùa dịch Covid19 của Công ty cổ phần giao nhận vận tải thương mại quốc tế T&T	Hoàng Thị Hồng Châu Phạm Thị Mai Linh Đặng Khánh Ly Phạm Anh Đức	KTB59ĐH KTN59ĐH KTN59ĐH KTN59ĐH	ThS. Vũ Thanh Trung	Phân tích tình hình doanh thu và lợi nhuận của Công ty cổ phần Giao nhận vận tải thương mại quốc tế T&T. Đưa ra những biện pháp khắc phục những khó khăn công ty gặp phải trong dịch, đồng thời tìm ra những cơ hội để gia tăng lợi nhuận doanh thu cho công ty trong hiện tại và tương lai.	
97.	SV21-22.97	Phân tích ảnh hưởng của dịch Covid 19 đến tình hình hoạt động của công ty TNHH MTV Vận tải đường biển Prince Việt Nam và các biện pháp khắc phục khó khăn của công ty trong và sau đại dịch	Nguyễn Thị Phương Tạ Hồng Anh Phan Thị Việt Anh	KTB59ĐH KTB59ĐH KTB59ĐH	ThS. Hàn Huyền Hương	Phân tích tác động ảnh hưởng của dịch bệnh đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Đề xuất biện pháp để công ty vượt qua đại dịch.	
98.	SV21-22.98	Nghiên cứu công tác chuẩn bị an toàn cho tàu container cập bến tại cảng container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	Nguyễn Thị Hồng Nhung Phạm Thanh Hoa Đoàn Ngọc Thanh Ngô Thu Hà	KTB59ĐH KTB59ĐH KTB59ĐH KTB59ĐH	ThS. Hàn Huyền Hương	Đưa ra phương án để tối đa hóa, chuẩn bị tốt cho việc tàu container cập cảng tại cảng container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng.	
99.	SV21-22.99	Phân tích tình hình sử dụng TSCĐ và đề xuất các biện pháp sử dụng TSCĐ có hiệu quả tại công ty Vinaship	Đoàn Thị Trang Phùng Thu Trang Nguyễn Thị Khánh Linh Vũ Hoài Phương	KTB59ĐH KTB59ĐH KTB59ĐH KTB59ĐH	ThS. Trần Ngọc Hưng	Phân tích thực trạng sử dụng tài sản cố định tại công ty, đề xuất giải pháp sử dụng hiệu quả đem lại lợi ích tối đa từ các TSCĐ của công ty Vinaship.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
100.	SV21-22.100	Nghiên cứu về sự ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến kết quả hoạt động kinh doanh và các biện pháp khắc phục của Công ty Cổ phần Vận tải biển VOSCO	Bùi Văn Hiệp Đào Thu Dịu Nguyễn Nam Phong Bùi Thành Vinh	KTB59ĐH KTb59ĐH KTb59ĐH KTb59ĐH	ThS. Trần Ngọc Hưng	Phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng của dịch covid đến hoạt động kinh doanh của công ty Cổ phần Vận tải biển VOSCO.	
101.	SV21-22.101	Phân tích ảnh hưởng của đại dịch Covid đến hoạt động sản xuất kinh doanh của cảng Hải An năm 2021 và dự báo doanh thu của cảng trong giai đoạn 2022-2024	Đào Thị Anh Đào Vũ Thị Bảo Khanh	KTb59ĐH KTb59ĐH	ThS. Nguyễn Bích Ngọc	Chỉ ra những ảnh hưởng và những tác động cụ thể của đại dịch Covid đến hoạt động sản xuất của cảng Hải An, đề xuất các biện pháp cho doanh nghiệp và dự báo về doanh thu của cảng trong 3 năm tới	
102.	SV21-22.102	Nghiên cứu về thực trạng hoạt động khai thác của đội tàu hàng khô từ năm 2017-2020 của công ty cổ phần vận tải biển Việt Nam (VOSCO)	Vũ Thanh Nhân Nguyễn Phương Thảo Đỗ Tuấn Hiệp	KTb59ĐH KTb59ĐH KTb59ĐH	ThS. Huỳnh Ngọc Oánh	Đánh giá thực trạng hoạt động khai thác của đội tàu hàng khô và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả khai thác đội tàu hàng khô của công ty vận tải biển Việt Nam (Vosco)	
103.	SV21-22.103	Đề xuất phương án mua hoặc bán tàu dựa trên tình hình kinh doanh của đội tàu hàng khô chở thép tại công ty Vinaship trong giai đoạn 2017-2021	Trần Minh Vượng Đỗ Văn Thịnh Nguyễn Thu Trang	KTb59ĐH KTb59ĐH KTb59ĐH	ThS. Huỳnh Ngọc Oánh	Phân tích lợi nhuận, chi phí và doanh thu của đội tàu chở thép của công ty Vinaship và đưa ra phương án mua hoặc bán tàu hiệu quả.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
104.	SV21-22.104	Giải pháp phát triển vận tải xanh qua tuyến vận tải thủy nội địa Bắc Ninh – Hải Phòng	Nguyễn Lê Ngọc Anh Nguyễn Thị Quỳnh Trang Phan Thị Nhật Hạ	KTT59ĐH KTT59ĐH KTT59ĐH	PGS.TS.Dương Văn Bạo	Đưa ra cơ sở lý luận. Đưa ra thực trạng năng lực vận tải thủy trên tuyến Bắc Ninh – Hải Phòng. Một số biện pháp nhằm tăng năng lực vận tải thủy trên tuyến Bắc Ninh – Hải Phòng.	
105.	SV21-22.105	Phát triển hệ thống kho, bãi trong chuỗi tác nghiệp thống nhất vận tải thủy nội địa phục vụ khu công nghiệp tuyến Bắc Ninh - Hải Phòng	Trần Lan Anh Trần Thị Thuý Dương Nguyễn Thị Vân Anh Lâm Thuý Quỳnh	KTT59ĐH KTT59ĐH KTT59ĐH KTT59ĐH	PGS.TS. Dương Văn Bạo	Nghiên cứu hệ thống lý thuyết, thực trạng đặc biệt là trong lĩnh vực kho vận. Nghiên cứu cụ thể một số doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực này. Chỉ ra hướng phát triển hiệu quả cho hoạt động kho vận cũng như giải pháp cho những khó khăn, thách thức.	
106.	SV21-22.106	Giải pháp số hóa chuỗi cung ứng trong sản xuất hàng may mặc tại Việt Nam	Đồng Thị Minh Ánh Đỗ Phương Thanh Lê Thị Ngọc Quỳnh	KTN59ĐH KTN59ĐH KTN59ĐH	ThS. Trần Hải Việt	Thực trạng về chuỗi cung ứng hàng may mặc của thế giới và Việt Nam. Phân tích và đánh giá hiệu quả mô hình chuỗi cung ứng hàng may mặc tại các doanh nghiệp Việt Nam. Giải pháp thực hiện số hóa. Cơ hội và thách thức trong quá trình thực hiện số hóa.	
107.	SV21-22.107	Một số biện pháp phát triển vận tải thủy nội địa nhằm giải phóng hàng hóa nhanh qua cảng Hải Phòng giai đoạn 2022-2026	Ngô Thị Hải Yến Phạm Thị Hiền Phạm Thị Thanh Trần Khánh Ly Lê Thị Ngọc	KTT59ĐH KTT59ĐH KTT59ĐH KTT59ĐH KTT59ĐH	TS. Nguyễn Thị Liên	Xây dựng quy hoạch, cơ chế, chính sách phát triển vận tải thủy nội địa; tăng cường mức độ tham gia của vận tải thủy nội địa trong việc giải tỏa hàng hóa qua cảng tại Hải Phòng; phát triển các phương tiện vận tải thủy nội địa; phát triển các cảng, bến thủy nội địa; phát triển các tuyến, luồng, hệ thống phao tiêu, báo hiệu phục vụ vận tải thủy nội địa; phát triển nguồn nhân lực quản lý, điều hành trong lĩnh vực vận tải	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						thủy nội địa; tăng cường phối hợp vận tải thủy nội địa với các phương thức vận tải khác.	
108.	SV21-22.108	Một số biện pháp nâng cao công tác khai thác dịch vụ vận chuyển hàng container tuyến ven biển : hải phòng – Hồ Chí Minh tại Gemadept Corporation	Vũ Thị Bích Phương Trần Cao Tú Quyên Bùi Thị Hồng Hoa Trần Thị Diễm Đặng Thị Hiền Lương	KTT59ĐH KTT59ĐH KTT59ĐH KTT59ĐH KTT59ĐH	TS. Nguyễn Thị Liên	Nghiên cứu cách thức tổ chức, khai thác dịch vụ vận chuyển container tuyến ven biển: Hải Phòng – Hồ Chí Minh tại GEMADEPT CORPORATION. Đưa ra cách thức tổ chức, khai thác đội tàu, đảm bảo nhanh chóng, an toàn hiệu quả, đem tới dịch vụ tốt cho khách hàng Đưa ra một số biện pháp nâng cao công tác khai thác dịch vụ vận chuyển hàng container trên tuyến ven biển: Hải Phòng - Hồ Chí Minh tại GEMADEPT CORPORATION.	
109.	SV21-22.109	Nghiên cứu thực trạng và giải pháp tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải thủy tại Hải Phòng.	Vũ Thị Thu Uyên Đỗ Thị Trang Anh Đặng Thị Thu Hiền Trần Thị Dung Nguyễn Thị Mai Ngọc	KTT59ĐH KTT59ĐH KTT59ĐH KTT59ĐH KTT59ĐH	TS. Nguyễn Thị Hương Giang	Tìm hiểu hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vận tải thủy tại Hải Phòng giai đoạn 2021-2025 . Đưa ra biện pháp nâng cao hoạt động kinhdoanh tại các doanh nghiệp vận tải thủy	
110.	SV21-22.110	Nghiên cứu tác động của hiệp định thương mại Việt Nam – Mỹ (BTA) đến xuất nhập khẩu của Việt Nam	Phạm Thị Phương Liên Lê Thị Quỳnh Trang Nguyễn Thị Hồng Linh	KTN59ĐH KTN59ĐH KTN59ĐH	ThS. Vũ Thanh Trung	Nghiên cứu tìm hiểu những tác động, ảnh hưởng của hiệp định đến hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam và đưa ra những giải pháp khắc phục một số thách thức hay vấn đề phát sinh.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
111.	SV21-22.111	Xây dựng chiến lược Digital Marketing cho doanh nghiệp Logistics: Trường hợp công ty Anslog Advice and Solution Logistics., JSC	Phạm Minh Ngọc Nguyễn Thị Thu Uyên Nguyễn Hồng Đức	LQC60ĐH LQC60ĐH LQC60ĐH	TS. Nguyễn Thị Thuý Hồng	Đưa ra cơ sở lý luận. Các thực trạng chiến lược Digital Marketing của doanh nghiệp Logistics hiện nay. Đề xuất giải pháp – Phát triển chiến lược Digital Marketing cho doanh nghiệp.	
VIII	Khoa Quản trị tài chính						
112.	SV21-22.112	Phản ứng của các cổ phiếu ngành tài chính Việt Nam trước thông tin cổ tức - Nghiên cứu thực nghiệm tại thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2016-2021	Nguyễn Thị Thu Thảo Lê Thị Thùy Nguyễn Thùy Giang	QKT60ĐH2 QKT60ĐH2 QKT60ĐH2	TS. Phùng Mạnh Trung	Nghiên cứu tổng hợp lý thuyết về thông tin cổ tức và mối quan hệ thực nghiệm giữa thông tin cổ tức và giá cổ phiếu. Thông qua đó, nghiên cứu sẽ tiến hành phân tích định lượng mối quan hệ giữa 2 biến số này của các cổ phiếu ngành tài chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	
113.	SV21-22.113	Nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty cổ phần xuất nhập khẩu vận tải Tân Hoàng Hiệp	Hoàng Minh Ngọc Nguyễn Thị Chi Nguyễn Thị Hương Ly	QKT59ĐH5 QKT59ĐH2 QKT59ĐH5	TS. Hoàng Thị Phương Lan	Những vấn đề lý luận cơ bản về vốn và hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Phân tích, đánh giá thực trạng hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu vận tải Tân Hoàng Hiệp giai đoạn 2016 – 2020. Đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu vận tải Tân Hoàng Hiệp.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
114.	SV21-22.114	Phân tích sự chuyển hướng hoạt động marketing trong ngành F&B dưới tác động của Covid 19	Lê Hà Phương Phạm Thu Thảo Lê Thị Hoài Thương	QKD59ĐH QKD59ĐH QKD59ĐH	TS. Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Nghiên cứu phân tích sự chuyển hướng hoạt động Marketing dưới tác động của đại dịch Covid 19 trong ngành F&B đồng thời đưa ra những giải pháp nhằm giảm bớt những rủi ro và cải thiện các chiến lược Marketing trong lĩnh vực F&B. Dự kiến sản phẩm nghiên cứu: Phân tích sự chuyển hướng hoạt động Marketing trong ngành F&B dưới tác động của Covid 19 Đề xuất một số gợi ý cho các doanh nghiệp F&B tại Việt Nam	
115.	SV21-22.115	Các giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong ngành sản xuất ô tô tại Hải Phòng	Phạm Thị Ánh Tuyết Nguyễn Thị Thanh Bình Ngô Quang Đức	QKD60 ĐH QKD60 ĐH QKD60 ĐH	TS. Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Nghiên cứu phân tích thực trạng và đề ra một số giải pháp để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành sản xuất ô tô tại Hải Phòng	
116.	SV21-22.116	Nghiên cứu ảnh hưởng của dịch Covid đến hoạt động xuất nhập khẩu của thành phố Hải Phòng và đề xuất các giải pháp	Vũ Thị Trang Tô Tiến Thành Nguyễn Thị Thơm	QKD61ĐH QKD61ĐH QKD61ĐH	ThS. Đỗ Thanh Tùng	Nghiên cứu thực nghiệm và xây dựng kế hoạch phát triển cho hoạt động xuất nhập khẩu của thành phố Hải Phòng.	
117.	SV21-22.117	Marketing bán lẻ trong các điều kiện kinh tế xã hội hiện đại tại Hải Phòng	Trần Hoàng Dung Nguyễn Thị Minh Thảo Đào Nam Trường	QKD60ĐH2 QKD60ĐH2 QKD60ĐH2	ThS. Nguyễn Thị Phương Mai	Nghiên cứu thực trạng hoạt động marketing bán lẻ tại Hải Phòng. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động bán lẻ.	
118.	SV21-22.118	Nghiên cứu và phân tích về thay đổi mô hình kinh doanh -	Vũ Thị Minh Yến Lê Thị Thuý Quỳnh Cồ Thị Phương Trang	QKT59ĐH3 QKT59ĐH3 QKT59ĐH6	ThS. Nguyễn Thị Thu Hà	Ứng dụng các phương pháp toán kinh tế, nghiên cứu số liệu thống kê để nhận biết được tình hình biến động về doanh thu và	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
		thích nghi với tình hình dịch bệnh của doanh nghiệp ngành Logistics.				chỉ phí giữa các mô hình hoạt động. Chỉ ra được mặt còn hạn chế, rủi ro trong các phương thức ấy khi doanh nghiệp áp dụng để thích ứng với dịch Covid – 19. Hiểu rõ vai trò quan trọng trong công tác định hướng chiến lược của doanh nghiệp đặc biệt trong bối cảnh xã hội có chiều hướng phức tạp như hiện nay.	
119.	SV21-22.119	Công tác quản trị chất lượng trong các doanh nghiệp cảng tại Hải Phòng	Vũ Thị Thanh Loan Nguyễn Phương Ánh Lê Thị Thùy Dung	QKD60ĐH1 QKD60ĐH1 QKD60ĐH4	ThS. Phạm Ngọc Thanh	Đánh giá được công tác quản trị chất lượng trong các doanh nghiệp cảng biển Hải Phòng ngày nay. Xây dựng mô hình với các phương pháp tiêu biểu như phương pháp thống kê, phương pháp phân tích và bảng dữ liệu (Panel Data). Kết quả sẽ có ý nghĩa quan trọng trong việc thực nghiệm và xây dựng chính sách nhằm nâng cao công tác quản trị chất lượng cho các doanh nghiệp cảng biển tại Việt Nam.	
120.	SV21-22.120	Nghiên cứu ảnh hưởng của cơ cấu vốn đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp cảng biển niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	Nguyễn Thị Ngoan Trần Hồng Quân Nguyễn Phương Chi	QKT60ĐH3 QKT60ĐH5 QKT60ĐH5	ThS. Nguyễn Minh Trang	Đánh giá tác động của cơ cấu vốn đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp cảng biển đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Kết quả cho thấy mối liên hệ giữa cơ cấu nguồn vốn và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp cảng biển. Đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện cơ cấu vốn để nâng cao hiệu quả kinh doanh và tối đa hóa giá trị cho các doanh nghiệp cảng biển niêm yết tại Việt Nam.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nếu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
121.	SV21-22.121	Nghiên cứu tác động của chất lượng dịch vụ đào tạo trực tuyến tới sự hài lòng của sinh viên tại trường đại học Hàng hải Việt Nam	Đào Thị Khánh Linh Bùi Phương Thoáng Nguyễn Thị Thanh Trúc	QKD61ĐH2 QKT61ĐH4 TCH61ĐH1	ThS. Trương Thị Phương Anh	Nghiên cứu tác động của chất lượng dịch vụ đào tạo trực tuyến tới sự hài lòng của sinh viên tại trường đại học Hàng hải Việt Nam. Đưa ra nguồn dữ liệu giúp đề xuất những biện pháp hỗ trợ cần thiết để nâng cao hiệu quả dạy học trực tuyến.	
122.	SV21-22.122	Biện pháp thúc đẩy chuyển đổi số tại ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.	Nguyễn Hải Yến Lê Thị Diệu Đoàn Thị Hà Hương	TCH59ĐH2 TCH59ĐH1 TCH59ĐH1	TS. Nguyễn Thị Liên	Ứng dụng công nghệ vào quá trình hoạt động của ngân hàng cụ thể là ngân hàng TMCP Hàng Hải. Nghiên cứu có cái nhìn mới hơn về công nghệ số áp dụng nó vào công việc không chỉ trong ngân hàng. Đưa ra những lời khuyên để xây dựng quy trình quản lý, tăng cường bảo mật cho ngân hàng.	
123.	SV21-22.123	Ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 đến tỷ suất sinh lời của các ngân hàng niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam	Vũ Ngọc Hoa Trần Thị Ngọc Anh Nguyễn Thị Minh Tâm	QKT59ĐH2 QKT59ĐH2 QKT59ĐH1	ThS. Lê Chiến Thắng	Tổng quan về tác động của Covid đến tỷ suất sinh lợi tại ngân hàng niêm yết trên sàn chứng khoán VN. Đánh giá thực trạng về sự ảnh hưởng của Covid và tỷ suất sinh lợi tại các ngân hàng niêm yết trên sàn chứng khoán VN. Kết luận và giải pháp hạn chế tác động của Covid nhằm nâng cao tỷ suất sinh lợi tại các ngân hàng niêm yết trên sàn chứng khoán VN.	
124.	SV21-22.124	Tăng cường sự liên kết giữa các doanh nghiệp vận tải biển và doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm phát triển	Trần Quang Huy Đồng Thị Bảo Ánh Lê Thị Thu Hương Hoàng Thị Hòa An Vũ Thị Ngọc	QKT59ĐH QKT59ĐH QKT59ĐH QKT59ĐH QKT59ĐH	ThS. Tô Văn Tuấn	Đưa ra cơ sở lý luận về liên kết giữa các doanh nghiệp vận tải biển với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong việc phát triển chuỗi cung ứng toàn cầu. Đánh giá thực trạng liên kết giữa các doanh nghiệp vận tải biển với các doanh nghiệp có	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
		chuỗi cung ứng toàn cầu ở Việt Nam hiện nay				vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong việc phát triển chuỗi cung ứng toàn cầu ở Việt Nam hiện nay. Đưa ra giải pháp tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp vận tải biển và doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển chuỗi cung ứng toàn cầu ở Việt Nam hiện nay.	
125.	SV21-22.125	Ảnh hưởng của thông tin covid đến tỉ suất sinh lời đầu tư đầu tư cổ phiếu cảng biển - Nghiên cứu được thực nghiệm trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Vũ Thị Huyền Chu Đức Đạt Lương Thị Hương Vũ Phương Linh	QKT59ĐH1 TCH60ĐH1 QKT59ĐH1 QKT59ĐH1	TS. Phùng Mạnh Trung	Nghiên cứu ảnh hưởng của covid đến tỉ suất sinh lời đầu tư cổ phiếu cảng biển. Đánh giá việc ảnh hưởng của thông tin covid đến phản ứng của cổ phiếu giúp các doanh nghiệp họ đưa ra quyết định ứng phó tốt hơn đối với các phản ứng của thị trường. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng cổ phiếu cảng biển phản ứng nhanh chậm thông qua giá cổ phiếu tăng giảm trong khoảng thời gian ảnh hưởng covid.	
126.	SV21-22.126	Hiệu quả cho vay tiêu dùng cá nhân tại Ngân hàng	Trần Thanh Loan Tăng Thị Kiều Oanh Vũ Thu Hương	TCH59ĐH1 TCH59ĐH1 TCH59ĐH1	ThS. Hoàng Thị Hồng Lan	Mở rộng dịch vụ ngân hàng là một trong những nội dung cơ bản trong quá trình thực hiện đề án cơ cấu lại một cách toàn diện và nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngân hàng. Các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay đã và đang phát triển nhiều hình thức huy động cũng như cho vay. Có thể nói, cho vay tiêu dùng là một trong những giải pháp giúp kích cầu tiêu dùng nội địa, khi nhu cầu cuộc sống ngày càng nâng cao thì cuộc cạnh tranh cho vay tiêu dùng giữa các công ty tài chính và các	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						ngân hàng sẽ nóng lên. Để có thể đảm bảo khoản thu nhập từ cho vay tiêu dùng thì ngân hàng càng phải nâng cao chất lượng từ hoạt động cho vay tiêu dùng của mình.	
127.	SV21-22.127	Vận dụng mô hình Z-Score dự báo rủi ro tài chính trong các doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam	Trần Thị Lan Bùi Thị Loan Bùi Thị Chi	TCH60ĐH TCH60ĐH TCH60ĐH	ThS. Tô Văn Tuấn	Đưa ra cơ sở lý luận về dự báo rủi ro tài chính đối với các doanh nghiệp vận tải biển. Đánh giá thực trạng công tác dự báo rủi ro tài chính tại các doanh nghiệp vận tải biển của Việt Nam hiện nay. Vận dụng mô hình Z-Score vào dự báo rủi ro tài chính của các doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam hiện nay.	
128.	SV21-22.128	Hoàn thiện chính sách thuế giá trị gia tăng tại Việt Nam hiện nay	Nguyễn Thị Minh Hạnh Phạm Thị Đào Nguyễn Thị Lệ Thanh Trần Thị Thu Thuỳ	QKT59ĐH QKT59ĐH QKT59ĐH QKT59ĐH	TS. Nguyễn Thị Liên	Làm rõ vấn đề lý luận cơ bản về thuế GTGT. Tham khảo và tổng kết hiệu quả trong việc thực hiện thuế GTGT ở các nước trên thế giới và bài học rút ra cho Việt Nam. Đánh giá về thực trạng thực hiện thuế GTGT từ đó làm rõ tác động tích cực và những hạn chế của sắc thuế này đối với nền kinh tế Việt Nam hiện nay. Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện chính sách thuế GTGT nội địa hiện nay.	
129.	SV21-22.129	Nghiên cứu ứng dụng Marketing kỹ thuật số trong hoạt động quan hệ công chúng tại thành phố Hải Phòng.	Trần Minh Phương Phạm Thùy Linh Hồ Khánh Huyền	QKD59ĐH QKD59ĐH QKD59ĐH	ThS. Đỗ Thanh Tùng	Dựa trên các cuộc khảo sát và mã hóa số liệu để phân tích trên các ứng dụng đưa ra nhận định và giải pháp phù hợp nhất của việc áp dụng Marketing kỹ thuật số trong hoạt động quan hệ công chúng của thành phố Hải Phòng.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
130.	SV21-22.130	Tác động của đại dịch Covid-19 đến các công ty Bảo hiểm Phi nhân thọ Việt Nam và những giải pháp ứng phó.	Nguyễn Kim Hoàn Nguyễn Thùy Dung Ngô Hoài Dương	QKT59ĐH1 QKT59ĐH1 QKT59ĐH1	ThS. Lê Chiến Thắng	Đưa ra cơ sở lý luận về bảo hiểm phi nhân thọ và kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ tại các công ty bảo hiểm phi nhân thọ được niêm yết trên sàn chứng khoán. Đánh giá thực trạng và tác động của đại dịch Covid-19 tới tình hình kinh doanh của các công ty bảo hiểm phi nhân thọ được niêm yết trên sàn chứng khoán. Đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh cho các công ty bảo hiểm phi nhân thọ được niêm yết trên sàn chứng khoán.	
131.	SV21-22.131	Biện pháp huy động vốn cho chiến lược phát triển của Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cẩm	Mai Thị Quỳnh Thư Cao Thị Huyền Trang Hoàng Thu Uyên	QKT60ĐH QKT60ĐH TCH60ĐH	PGS.TS. Vũ Trụ Phi	Khái quát cơ sở lý luận về nguồn vốn và khai thác nguồn vốn của doanh nghiệp. Đánh giá thực trạng huy động vốn đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cẩm giai đoạn 2016-2020. Phân tích SWOT (mạnh, yếu, cơ hội, thách thức) của của Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cẩm. Phân tích nhu cầu vốn cho chiến lược phát triển của Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cẩm giai đoạn 2021 – 2025. Đề xuất một số biện pháp huy động vốn cho chiến lược phát triển của Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cẩm giai đoạn 2021 – 2025.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
132.	SV21-22.132	Factors influencing to customer satisfaction of online shopping in Aeon Mall: A study in Hai Phong	Bùi Thị Thu Trang Lê Thị Ngọc Lương Ánh Tuyết Ngô Thu Uyên	QKD59ĐH2 QKD59ĐH1 QKD59ĐH1 QKD59ĐH1	ThS. Lê Hồng Nhung	Determine factors affecting to customer satisfaction of online shopping in Hai Phong Aeon Mall. Measure the affecting levels of these factors to customer satisfaction of online shopping in Hai Phong Aeon Mall. Recommend several suggestions to enhance the service online shopping quality of Aeon Mall in future.	
133.	SV21-22.133	Nghiên cứu các nhân tố bên trong đơn vị ảnh hưởng đến tính minh bạch thông tin kế toán của các doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam	Vũ Thị Kiều Anh Lương Thị Thu Tâm Đoàn Thị Hồng Nhung	QKT59ĐH QKT59ĐH QKT59ĐH	ThS. Nguyễn Thị Thu Hà	Đưa ra cơ sở lý luận về thông tin kế toán tại các doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam. Đánh giá thực trạng của các thông tin kế toán tại các doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam. Đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả xử lý thông tin kế toán và quản lý doanh nghiệp cho các doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam.	
IX	Khoa Ngoại ngữ						
134.	SV21-22.134	A study on habits of using monolingual and bilingual dictionaries among English-major third-year students at Viet Nam Maritime University (Nghiên cứu thói quen sử dụng từ điển đơn ngữ và song ngữ của	Đào Thị Lan Phương	ATM 61ĐH	ThS. Bùi Thị Thúy Nga	Nghiên cứu thói quen sử dụng từ điển đơn ngữ và song ngữ của sinh viên. Ngoài ra đề tài còn nghiên cứu ưu nhược điểm của hai loại từ điển nói trên. Sử dụng thủ pháp thống kê phân tích dữ liệu kết quả khảo sát sinh viên năm thứ ba Khoa Ngoại ngữ.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
		sinh viên chuyên ngữ năm thứ ba, trường Đại học Hàng hải Việt Nam)					
135.	SV21-22.135	A study on typical errors in using English phrasal verbs in writing skill made by first year majors at Viet Nam Maritime University (Nghiên cứu lỗi sử dụng cụm động từ trong kỹ năng Viết của sinh viên chuyên ngữ năm thứ nhất, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)	Vũ Văn Anh	NNA61ĐH	ThS. Bùi Thị Thúy Nga	Tìm hiểu các lỗi sử dụng cụm động từ trong học phần Viết, tìm ra nguyên nhân và đưa ra giải pháp khắc phục. Ngoài ra nghiên cứu còn là một thống kê đầy đủ về cụm động từ phổ biến trong Tiếng Anh. Thực nghiệm cho 1 nhóm 50 sinh viên làm 1 bài đánh giá trong đó gồm 6 phần với các dạng bài khác nhau nhằm phân tích các lỗi.	
136.	SV21-22.136	Effectiveness of using audio-visual aids on English vocabulary acquisition of 1 st year students in Faculty of Foreign Studies at Vietnam Maritime University (Tính hiệu quả của việc sử dụng thiết bị nghe nhìn trong việc học từ vựng đối với sinh viên	Nguyễn Thị Trang	NNA62ĐH	ThS. Đào Thanh Hương	Nghiên cứu nhằm đánh giá tính hiệu quả của việc sử dụng các thiết bị nghe nhìn vào việc học và nhớ từ vựng của sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại khoa Ngoại Ngữ, trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Nghiên cứu thực nghiệm với 2 nhóm: nhóm thực nghiệm và nhóm kiểm soát. Các bài kiểm tra được thực hiện đầu khóa và cuối khóa để đo sự khác biệt giữa 2 nhóm về khả năng nhớ từ tạm thời và lâu dài.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
		năm thứ nhất tại khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)					
137.	SV21-22.137	Difference in showing gratitude in Vietnamese culture and English speaking culture. (Sự khác biệt trong cách thức thể hiện lòng biết ơn giữa văn hóa Việt Nam và văn hóa của các nước nói tiếng Anh).	Trần Hoàng	NNA61ĐH4	ThS. Đào Thanh Hương	Nghiên cứu tìm ra sự khác biệt trong cách thức cảm ơn giữa văn hóa Việt Nam và văn hóa của những nước nói tiếng Anh và ứng dụng sự hiểu biết về sự khác biệt đó để thực hiện công tác dịch thuật.	
138.	SV21-22.138	Study on challenges faced by first year students at Faculty of Foreign Studies in mastering listening skill. (Nghiên cứu những thách thức trong việc học nghe hiểu của sinh viên năm nhất khoa Ngoại ngữ).	Phạm Văn Hòa	ATM60ĐH	ThS. Đỗ Hữu Trường	Nghiên cứu những thách thức sinh viên năm thứ nhất khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam gặp phải trong quá trình học và thực hành kỹ năng nghe hiểu. Sử dụng phương pháp phân tích dữ liệu từ kết quả phỏng vấn và khảo sát. Trên kết quả phỏng vấn 20 sinh viên và khảo sát 50 sinh viên năm thứ nhất khoa Ngoại ngữ, nhóm nghiên cứu phân tích và tổng hợp dữ liệu để tìm ra những khó khăn sinh viên hay gặp phải khi học kỹ năng trên.	
139.	SV21-22.139	survey on first year students' self-practice of speaking skill at Faculty of Foreign	Vũ Thanh Tâm	NNA60ĐH	ThS. Đỗ Hữu Trường	Nghiên cứu cách học và những khó khăn của sinh viên năm thứ nhất khoa Ngoại ngữ gặp phải trong quá trình tự rèn luyện kỹ năng nói. Trên cơ sở lý thuyết và dữ liệu sẵn có, đề tài	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
		Studies, Vietnam Maritime University. (Khảo sát thực trạng việc tự rèn luyện kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất, khoa Ngoại Ngữ, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam).				dùng hai công cụ chính là phỏng vấn và khảo sát (trắc nghiệm) nhằm tiếp cận một cách dễ dàng, nhanh chóng, hiệu quả tới tất cả sinh viên năm thứ nhất khoa Ngoại ngữ. Trên kết quả phỏng vấn 20 sinh viên và khảo sát 50 sinh viên năm thứ nhất khoa Ngoại Ngữ, nhóm nghiên cứu tìm hiểu được phương pháp tự rèn luyện kỹ năng nói khác nhau và những khó khăn mà sinh viên gặp phải trong khi tự rèn luyện kỹ năng này. Từ những kết quả đó, nhóm nghiên cứu đề xuất với ban chủ nhiệm khoa ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tế công việc giảng dạy cho sinh viên.	
140.	SV21-22.140	A study on common problems in the introduction part of the persuasive speeches by students at Faculty of Foreign Studies of Vietnam Maritime University. (Nghiên cứu lỗi thường gặp trong phần giới thiệu bài thuyết trình của sinh viên khoa Ngoại ngữ, trường ĐHHH Việt Nam).	Hoàng Thị Diễm	ATM59ĐH2	ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	Nghiên cứu tính hiệu quả của phần mở đầu của bài thuyết trình thuyết phục người khác của sinh viên chuyên ngữ khoa Ngoại Ngữ, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Trên cơ sở lý thuyết tương ứng, đề tài áp dụng hai phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để thu thập số liệu bằng phỏng vấn, bảng câu hỏi, mẫu bài thuyết trình của sinh viên năm thứ 3 khoa Ngoại ngữ, Trường ĐHHH VN.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
141.	SV21-22.141	A study on effectiveness of methods of persuasion in the persuasive speeches by students at Faculty of Foreign Studies of Vietnam Maritime University. (Nghiên cứu tính hiệu quả của các biện pháp thuyết phục được sử dụng trong bài thuyết trình được thực hiện bởi sinh viên khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam).	Lương Thị Mai Giang	NNA59ĐH2	ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	Nghiên cứu tính hiệu quả của các biện pháp thuyết phục sử dụng trong bài thuyết trình của sinh viên chuyên ngữ khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Trên cơ sở lý thuyết tương ứng, đề tài áp dụng hai phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để thu thập số liệu bằng phỏng vấn, bảng câu hỏi, và mẫu bài thuyết trình của sinh viên năm thứ 3 khoa Ngoại ngữ	
142.	SV21-22.142	Students' perspectives on benefits and difficulties of online learning in Faculty of Foreign Studies – Vietnam Maritime University. Quan điểm của sinh viên Khoa Ngoại Ngữ, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về lợi ích và khó khăn của việc học trực tuyến.	Đỗ Quang Minh	NNA61ĐH5	ThS. Lê Thị Hồng Loan	Nghiên cứu phân tích quan điểm của sinh viên về lợi ích và khó khăn của việc học trực tuyến trong thời kỳ giãn cách xã hội. Đề xuất một số giải pháp để nâng cao chất lượng của hình thức học tập trên cơ sở nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính thông qua sử dụng bảng câu hỏi thu thập ý kiến của sinh viên.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
143.	SV21-22.143	Analysis of common sentence problems in essays by students at Faculty of Foreign Studies. (Phân tích lỗi viết câu thường mắc trong các bài luận của sinh viên Khoa ngoại ngữ).	Nguyễn Thanh Hải	ATM61ĐH	ThS. Ngô Ngọc Trâm	Nghiên cứu phân tích lỗi về câu phổ biến mà sinh viên Khoa Ngoại ngữ thường mắc phải khi viết bài luận. Ngoài ra nghiên cứu còn đối chiếu với kết quả của các nghiên cứu tương tự. Từ đó, nhóm nghiên cứu đề xuất các phương án cải thiện việc học các mảng ngữ pháp liên quan, kỹ năng học và dạy viết để sinh viên tránh mắc khỏi những lỗi về câu này trong tương lai.	
144.	SV21-22.144	Communication challenges faced by students at Faculty of Foreign Studies in the workplace. (Các khó khăn giao tiếp Tiếng Anh của sinh viên Khoa ngoại ngữ đối mặt khi nhận công tác).	Nguyễn Thị Phương Quỳnh	NNA60ĐH	ThS. Ngô Ngọc Trâm	Nghiên cứu phân tích những khó khăn mà sinh viên Khoa Ngoại ngữ gặp phải khi sử dụng Tiếng Anh để giao tiếp hàng ngày và trong môi trường làm việc. Nghiên cứu tìm hiểu nguyên nhân dẫn tới các khó khăn đó dựa vào các khung lý thuyết đã được xây dựng từ các nghiên cứu trước đó. Đề xuất một số giải pháp cải thiện việc sử dụng Tiếng Anh trong giao tiếp hàng ngày và khi đi làm.	
145.	SV21-22.145	Nghiên cứu về mức độ hiệu quả của việc sử dụng Google Meet trong việc dạy và học kỹ năng Nghe tiếng Anh tại khoa Ngoại Ngữ, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. A research on the effectiveness of Google Meet in teaching and	Hoàng Đức Lâm	ATM60ĐH	ThS. Phạm Thị Quỳnh Trâm	Nghiên cứu tính hiệu quả của việc sử dụng Google Meet trong việc dạy và học kỹ năng Nghe Tiếng Anh tại khoa Ngoại Ngữ, trường Đại học Hàng Hải Việt Nam. Ứng dụng lý thuyết sử dụng công nghệ trong giảng dạy và các phương pháp: Bảng câu hỏi khảo sát và Phỏng vấn đối với giảng viên và sinh viên năm ba khoa Ngoại Ngữ. Đưa ra được các giải pháp để cải thiện chất lượng dạy và học kỹ năng Nghe tiếng Anh tại khoa Ngoại Ngữ.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
		studying English listening skills at Faculty of Foreign Studies of Vietnam Maritime University.					
146.	SV21-22.146	Nghiên cứu về mức độ hiệu quả của việc sử dụng thang đánh giá năng lực Bloom trong việc giảng dạy đọc phản biện tại khoa Ngoại Ngữ, trường Đại học Hàng Hải Việt Nam. A study on the effectiveness of the application of Bloom's taxonomy to teach critical reading at Faculties of Foreign Studies, Vietnam Maritime University.	Ngô Thu Liên	ATM60ĐH	ThS. Phạm Thị Quỳnh Trâm	Nghiên cứu cách thức và hiệu quả của việc ứng dụng thang đánh giá năng lực Bloom để phát triển kỹ năng đọc phản biện của sinh viên khoa Ngoại Ngữ. So sánh các định nghĩa và chiến lược dạy học liên quan tới kỹ năng đọc phản biện, nhóm nghiên cứu mô tả mô hình lý thuyết về cách thức trải nghiệm và khó khăn của sinh viên trong quá trình kết hợp học đọc phản biện với kế hoạch cá nhân và kiến thức nền. Ứng lý thuyết về thang đánh giá năng lực Bloom và lý thuyết giảng dạy kỹ năng đọc phản biện dụng phương pháp nghiên cứu định tính; sử dụng các phương pháp Bảng câu hỏi phỏng vấn, Quan sát và Phỏng vấn đối với sinh viên khoa Ngoại Ngữ. Đánh giá ưu điểm và hạn chế của việc sử dụng thang đánh giá năng lực Bloom trong việc dạy đọc phản biện cho sinh viên chuyên ngữ.	
147.	SV21-22.147	A study on decision by K61 students to choose English linguistics at Vietnam Maritime University.	Lê Thị Thảo	NNA61ĐH	ThS. Trần Ngọc Diệp	Nghiên cứu tìm hiểu các lý do sinh viên K61 chọn học ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Sử dụng phương pháp miêu tả, thủ pháp thống kê, đối chiếu, so sánh. Ngoài ra, chúng	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
		Nghiên cứu lý do sinh viên K61 chọn học chuyên ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Hàng hải Việt Nam				tôi còn sử dụng một số thủ pháp khác như kết hợp thu thập dữ liệu từ các phiếu khảo sát (trắc nghiệm) và câu trả lời của đối tượng được phỏng vấn. Từ kết quả phân tích, thống kê, đối chiếu, so sánh số liệu từ dữ liệu thu thập, đề tài phân tích và tổng hợp các lý do sinh viên K61 quyết định chọn học ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Kết quả nghiên cứu góp phần vào việc quảng bá thương hiệu của Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.	
148.	SV21-22.148	A study on behaviour culture by K61 majors at Vietnam Maritime University. Nghiên cứu văn hóa ứng xử của sinh viên chuyên ngữ K61 – Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam.	Phạm Xuân Bách	NNA61ĐH	ThS. Trần Ngọc Diệp	Sử dụng phương pháp miêu tả, thủ pháp thống kê, đối chiếu, so sánh và một số thủ pháp khác như kết hợp thu thập dữ liệu các phiếu khảo sát (trắc nghiệm) và câu trả lời của đối tượng nghiên cứu được phỏng vấn để nghiên cứu xây dựng hình mẫu đạo đức, lối sống, tác phong cho sinh viên nhằm phát triển văn hóa học đường. Đưa ra một số giải pháp thiết thực, xây dựng văn hóa ứng xử chuẩn mực cho sinh viên.	
X	Viện Cơ khí						
149.	SV21-22.149	Nghiên cứu, chế tạo mô hình giá đỡ đồ tiện lợi	Trần Tuấn Vũ Vũ Đức Đạt Dương Đức Long Đào Hữu Trọng Trần Văn Ước	CĐT59ĐH	TS. Hoàng Mạnh Cường	Xây dựng sơ đồ nguyên lý và thiết kế hình dáng mô hình giá đỡ đồ. Lựa chọn các thiết bị chuẩn hóa; thiết kế, chế tạo các chi tiết phi tiêu chuẩn; lắp ráp hệ thống. Lập trình điều khiển hệ thống giá đỡ đồ. Thử nghiệm và đánh giá kết quả.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
150.	SV21-22.150	Xây dựng phần mềm ứng dụng kiểm tra kết quả tính toán từ các bài toán động lực học cơ bản trong Ô tô	Nguyễn Đức Toàn Phạm Khánh Hưng Đặng Trung Hiếu Nguyễn Chí Nghĩa	KTO60ĐH	KS. Lê Đình Nghiêm	Thông qua kiến thức cơ bản về bài toán động lực học, lập quy trình tính toán phương pháp đưa ra các đồ thị động lực học điển hình cho Ô tô. Sử dụng Excel để kiểm chứng kết quả của bài toán đã thiết lập được. Dựa vào các cơ sở lý thuyết đã xây dựng được, dùng phần mềm MatLab để xây dựng giao diện phần mềm để tính toán kiểm tra các bài toán động lực học Ô tô. Kiểm tra kết quả tính toán trên excel và trên ứng dụng đã xây dựng được.	
151.	SV21-22.151	Xây dựng mô hình xác định hệ số trao đổi nhiệt của mô hình thực nghiệm Ấc qui nhiệt AQNv01	Lê Xuân Bảo Nguyễn Đức Mạnh Giang Trịnh Đức Chính	KNL59ĐH	TS. Dương Xuân Quang	Xây dựng mô hình xác định hệ số trao đổi nhiệt của mô hình thực nghiệm Ấc qui nhiệt tại phòng thí nghiệm Nhiệt - lạnh, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Kết quả nghiên cứu xác định được hệ số trao đổi nhiệt của Ấc qui nhiệt.	
152.	SV21-22.152	Thiết kế và chế tạo robot nón giao thông sử dụng cơ cấu lái với ba bánh xe đa hướng	Đoàn Văn Khuê Cao Thanh Tùng Bùi Thành Công Vũ Quốc Hiệp Bùi Anh Tuấn	CĐT59ĐH	TS. Phạm Đình Bá	Mục tiêu của nghiên cứu này là phát triển robot chớp nón giao thông tự động (gọi tắt là robot nón giao thông), chi phí thấp, có khả năng phân định giao thông với độ chính xác ở cấp độ làn đường trên những tuyến đường trong thành phố và trên các tuyến đường cao tốc. Robot được chế tạo có hình dáng như một chớp nón chỉ báo giao thông. Robot này được trang bị còi và đèn để có thể phát ra âm thanh, tín hiệu đèn để cho người điều khiển giao thông chú ý và rẽ dàng nhận ra nó. Robot có thể dễ dàng di chuyển và bám theo	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						các vạch chỉ đường một cách tự động. Robot nón giao thông này còn có thể được điều khiển từ xa bởi một người có trách nhiệm. Nhiều robot nón giao thông cũng sẽ được chế tạo để tạo ra một khả năng phân làn và chỉ dẫn giao thông mà không cần có sự tham gia trực tiếp của con người.	
153.	SV21-22.153	Thiết kế chế tạo mô hình cầu trục điều khiển tự động.	Nguyễn Hữu Ngân Bùi Hữu Quang Đình Đức Nam	CĐT59ĐH	TS. Phan Văn Dương	Xây dựng sơ đồ nguyên lý và thiết kế chế tạo mô hình cầu trục. Lựa chọn các thiết bị chuẩn hóa; thiết kế, chế tạo các chi tiết; lắp ráp hệ thống. Lập trình điều khiển tự động cầu trục. Thử nghiệm và đánh giá kết quả.	
XI	Viện Môi trường						
154.	SV21-22.154	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu nano kẽm oxit bằng dịch chiết thân cây thuốc Lào, ứng dụng sản xuất thuốc trừ sâu sinh học	Nguyễn Mai Ngọc Hân Đặng Thị Phương Anh Nguyễn Thị Trang Phạm Đức Thành	KHD59ĐH KHD59ĐH KHD59ĐH KHD61ĐH	TS. Võ Hoàng Tùng	Nghiên cứu tối ưu hóa quá trình chiết xuất thân cây thuốc Lào bằng phương pháp chiết dung môi trong môi trường siêu âm. Nghiên cứu tổng hợp vật liệu nano kẽm oxit bằng phương pháp tổng hợp xanh trên dịch chiết thu được. Nghiên cứu đặc trưng vật liệu tổng hợp và hoạt tính sinh học của vật liệu. Nghiên cứu chế tạo thử nghiệm thuốc trừ sâu sinh học trên cơ sở vật liệu tổng hợp và thử nghiệm hoạt tính.	
155.	SV21-22.155	Nghiên cứu khả năng ức chế ăn mòn cốt thép trong môi trường nước biển của dịch	Nguyễn Văn Phương Nguyễn Thị Thu Hương Đào Trọng Thắng Bùi Phương Anh	KHD60ĐH KHD60ĐH KHD60ĐH KHD60ĐH	TS. Võ Hoàng Tùng	Nghiên cứu tối ưu hóa quá trình chiết xuất cây lá vối bằng phương pháp chiết dung môi trong môi trường siêu âm. Nghiên cứu khả năng ức chế ăn mòn cốt	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
		chiết cây lá vôi				thép trong môi trường nước biển nhân tạo của dịch chiết cây lá vôi. Nghiên cứu chế tạo thử nghiệm sơn phủ bảo vệ cốt thép trong môi trường nước biển và thử nghiệm thực tế.	
156.	SV21-22.156	Nghiên cứu tái chế nhựa tạo thành giá thể sinh học, ứng dụng trong xử lý nước thải.	Nhâm Thị Hải Yến Ngô Thị Nhan Trần Thị Hương	KMT59ĐH KMT60ĐH KMT60ĐH	TS. Nguyễn Xuân Sang	Nghiên cứu khả năng bám dính của vi sinh vật trên các loại nhựa-là sản phẩm sau quá trình sử dụng Nghiên cứu chế tạo thử nghiệm giá thể vi sinh bằng nhựa tái chế. Nghiên cứu khả năng xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học với sự có mặt của giá thể sinh học bằng nhựa tái chế. Đánh giá hiệu quả quá trình xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học với sự có mặt của giá thể sinh học tái chế.	
157.	SV21-22.157	Nghiên cứu chế tạo vật liệu hấp phụ và chất trợ keo tụ từ cây chuối để xử lý một số chất ô nhiễm trong nước thải từ tàu biển	Hoàng Hải Yến Hoàng Trung Kiên Hoàng Hà Phương	KMT60ĐH KMT60ĐH KMT60ĐH	ThS. Đinh Thị Thúy Hằng	Nghiên cứu chế tạo vật liệu hấp phụ từ thân cây chuối. Nghiên cứu trích xuất chất trợ keo tụ từ nhựa chuối, sử dụng phần cuống, lá, vỏ và củ chuối. Nghiên cứu xác định cấu trúc các vật liệu chế tạo được, ứng dụng để hấp phụ dầu trong các dạng nước thải lẫn dầu phát sinh trên tàu biển và tách các chất huyền phù lơ lửng còn lại trong nước thải. Phân tích một số thông số cơ bản của nước thải để đánh giá hiệu quả xử lý ô nhiễm của vật liệu.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
XII	Viện ĐT Quốc tế						
158.	SV21-22.158	The determinants of GDP growth in Vietnam: a VAR model approach	Lê Thị Thảo Lê Thị Thanh Tâm Nguyễn Minh Ngọc	BMM60ĐH BMM60ĐH BMM60ĐH	TS. Hoàng Chí Cường	The authors will employ the Vector Autoregression (VAR) and Granger Causality Test with the time series data during 1990-2020. The results will be useful for making good policies to promote Vietnam's economic growth in the coming years.	
159.	SV21-22.159	An analysis of business culture of Vingroup and implication for Vietnamese	Lê Hải Yến Bùi Ngọc Cát Tiên Đào Thị Phương Thảo	BMM60ĐH BMM60ĐH BMM60ĐH	ThS. Nguyễn Thị Phương Mai	In the context of globalization, Vietnamese enterprises have more new opportunities, requiring the building of corporate culture to take wise steps and choose wisely. The question is what factors affect corporate culture? And from the lesson of Vingroup, how to attract the quintessence of humanity, create an advanced corporate culture but still fit the situation and Vietnamese cultural identity? This study will find out the answers to these questions.	
160.	SV21-22.160	Does the logistics infrastructure support for Vietnam's export?	Nguyễn Công Dương Nguyễn Văn Thiệu Nguyễn Thị Thanh Hằng	BMM60ĐH BMM60ĐH BMM60ĐH	TS. Hoàng Chí Cường	To figure out the proper answer to the research question, the authors will utilize the Gravity model, first used by Jan Tinbergen in 1962, and modern estimation techniques such as Fixed effects (FE), Random effects (RE) and the Hausman-Taylor with the robust check of the Poisson Pseudo Maximum Likelihood (PPML) technique. The authors will also collect a panel data set of 20 main Vietnam's trade partners during	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						2007-2018. The results of the research will have an important implication for the government of Vietnam in making policies to support the country's exports in the coming times.	
161.	SV21-22.161	Covid-19 Pandemic and implication for Vietnam's logistics industry	Nguyễn Quỳnh Anh Nguyễn Thị Thảo Phương Vương Thị Mai Trang	BMM60ĐH BMM60ĐH BMM60ĐH	ThS. Nguyễn Thu Quỳnh	To figure out the proper answer to the research question, the authors will utilize the Gravity model, first used by Jan Tinbergen in 1962, and modern estimation techniques such as Fixed effects (FE), Random effects (RE) and the Hausman-Taylor with the robust check of the Poisson Pseudo Maximum Likelihood (PPML) technique. The authors will also collect a panel data set of 20 main Vietnam's trade partners during 2007-2018. The results of the research will have an important implication for the government of Vietnam in making policies to support the country's exports in the coming times.	
162.	SV21-22.162	Developing lists of specialised terminologies used in the Bachelor training program of Marketing Management at VMU.	Vũ Hồng Nhung Lê Thị Thu Thủy Nguyễn Phương Thảo Trần Tiểu Vân	BMM59ĐH BMM59ĐH BMM59ĐH BMM59ĐH	ThS. Nguyễn Hồng Ánh	Dựa trên ngữ liệu là các tài liệu môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành BMM, nhóm nghiên cứu chiết xuất các thuật ngữ chuyên ngành dùng trong từng môn học và các từ khóa phổ biến nhất sử dụng trong ngành học BMM.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
163.	SV21-22.163	A study on vocabulary-learning difficulties encountered by non- English major students at ISE.	Nguyễn Quốc Anh Thân Thu Trang Phan Vũ Hồng Minh	GMA61ĐH GMA61ĐH GMA61ĐH	ThS. Phạm Thị Ngọc Thanh	Từ vựng đóng một vai trò quan trọng trong việc học tiếng Anh của sinh viên. Tuy nhiên, việc học từ vựng không phải lúc nào cũng dễ dàng đối với mỗi người học. Mỗi sinh viên sẽ có thể gặp phải một số vấn đề khác nhau khi học từ vựng phục vụ cho việc học tiếng Anh của mình. Việc tìm ra và hiểu những khó khăn này của sinh viên rất quan trọng. Việc này có thể góp phần giúp giáo viên giảng dạy môn tiếng Anh tìm ra các chiến lược dạy học và phương pháp phù hợp nhằm giúp đỡ sinh viên vượt qua các khó khăn một cách hiệu quả hơn.	
164.	SV21-22.164	ISE students' views of difficulties in online final exam of the year 2020-2021 in Vietnam Maritime University during the covid-19 pandemic.	Phùng Thanh Tú Nguyễn Thị Mỹ Linh Vũ Đức Nam	GMA61ĐH GMA61ĐH GMA61ĐH	ThS. Vũ Thị Thúy	Trên cơ sở lý thuyết khảo sát các sinh viên Viện Đào tạo Quốc tế để tìm ra quan điểm của sinh viên về những khó khăn chính mà sinh viên Viện gặp phải trong quá trình thi trực tuyến diễn ra vào kỳ II năm học 2020-2021 do ảnh hưởng của Covid -19 với phương pháp nghiên cứu định lượng để thống kê mô tả số liệu thu thập được từ bảng câu hỏi khảo sát dành cho sinh viên, và định tính thể hiện ở việc mô tả, phân tích từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp đối với sinh viên và nhà trường.	
165.	SV21-22.165	The role of vocabulary knowledge in speaking development of ISE- GMA students	Trần Mạnh Kiên Nguyễn Ngọc Hà Trần Thị Kiều Anh	GMA61ĐH GMA61ĐH GMA61ĐH	ThS. Nguyễn Hoài Đức	On the theoretical backgrounds, the study will survey the students of ISE to find out the role of vocabulary knowledge in the development of GMA11 students'	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						speaking skill. A quantitative research method will be used for the descriptive statistics of the data collected from the survey questionnaire dedicated to the students and a qualitative research method will be employed for the description and analysis of the data.	
166.	SV21-22.166	A study on the similarities and differences in the ways of expressing "thankings" in Vietnamese versus English by second-year students of the Institute of International Training - Vietnam Maritime University and second-year students in some English speaking countries.	Hoàng Thị Huyền Trang Phạm Minh Tú Phạm Việt Thái	GMA61ĐH GMA61ĐH GMA61ĐH	ThS. Phạm Thị Thu Hằng	Thực hiện một bài nghiên cứu để tìm ra điểm tương đồng và khác biệt giữa cách thể hiện "cảm ơn" của sinh viên năm thứ hai Viện Đào Tạo Quốc tế- Trường Đại Học Hàng hải Việt Nam với các sinh viên năm 2 tại một số quốc gia sử dụng tiếng Anh.	
167.	SV21-22.167	Using social networks effectively in studying and researching for International School of Education students	Nguyễn Thị Hồng Diệp Đào Việt Trinh Trần Thu Trúc	GMA161ĐH GMA161ĐH GMA161ĐH	ThS. Nguyễn Đình Quý	Social networks are used by many students for entertainment purposes, especially for learning purposes, exchanging learning information and searching for documents. Besides the positive effects, to a certain extent, social networks also cause negative impacts on	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						students. The article has an effect of social networks on the learning activities of students of the International School of Education (ISE) of Vietnam Maritime University, thereby offering solutions to help students use social networks effectively. According to research results, social networks help students' lifestyles become more active, supporting students in sharing and finding learning information. At the same time, the article also shows that the use of social networks has a positive effect on the learning outcomes of current students. The most important thing to note is that students need to know how to use Facebook appropriately to maximize the benefits that social networks bring.	
168.	SV21-22.168	Strategies for improving GMA students' presentation skills	Vũ Ngọc Tú Nguyễn Thị Thanh Hiền	GMA61ĐH GMA61ĐH	ThS. Lê Thị Hồng Loan	Presentation skills are one of the important soft skills in life and work. A perfect presentation can bring success far beyond what we expect. In order to get good results, presenters need to go through the preparation stage to build a presentation structure and have confidence before giving a presentation. However, many students still have difficulties in giving a persuasive presentation. This study shows the problems that the students have when presenting and helps students to apply suitable strategies to	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						enhance their presentation skills, which can be applied to academic work as well as all areas of life.	
169.	SV21-22.169	Some difficulties in studying e-learning of ISE-GMA students during Covid-19 epidemic and suggested solutions	Vũ Thị Thúy Đào Thị Hồng Lịch Mai Thị Thu	GMA61ĐH GMA61ĐH GMA61ĐH	ThS. Lê Thùy Tâm	Schools in Vietnam always focus and promote training and learning. In the period of the Covid-19 epidemic, in order not to be backward and degraded in education, the schools Vietnam have figured out measures and applied them to teaching. E-learning is one of the most widely used methods. Besides of the advantages that online learning has brought about, there are also difficulties and disadvantages that teachers and students are facing. The research question is what the difficulties of e-learning for ISE-GMA students are? This study will find the answers and solutions to this research question.	
170.	SV21-22.170	A study on the perspective of ISE second year student in using mobile - based applications to practice and enhance listening skill.	Nguyễn Hồng Liên Vũ Tuấn Hùng Lê Trung Hiếu	GMA61ĐH GMA61ĐH GMA61ĐH	Phùng Thị Mai Trang	Trên cơ sở lý thuyết khảo sát các sinh viên Viện Đào tạo Quốc tế để tìm ra quan điểm của sinh viên về việc sử dụng các phương tiện ứng dụng trên điện thoại để luyện tập bổ trợ kỹ năng Nghe. Từ đó đề xuất các giải pháp, phương pháp phù hợp đối với sinh viên và nhà trường nhằm cải thiện chất lượng và hiệu quả của việc học và thi kỹ năng Nghe.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
171.	SV21-22.171	Improve seafarer recruitment and training process at VOSCO	Nguyễn Trung Hoàn Nguyễn Thị Ngọc Anh Nguyễn Thị Thu Phương	GMA59ĐH GMA59ĐH GMA59ĐH	Phạm Văn Huy	Currently, with the rapid development of Hai Phong, the transportation of goods by sea is increasingly focused. But besides that, the recruitment and training of crew members by shipping companies are still limited. With that in mind, we did this scientific study to help further improve the recruitment and training of seafarers of a particular company, which is VOSCO.	
172.	SV21-22.172	Factors affecting port performance: a case study of Hai Phong ports.	Nguyễn Đắc Thắng Đoàn Thị Hồng Nhung Nguyễn Hải Mến	GMA59ĐH GMA59ĐH GMA59ĐH	Quản Thị Thuỳ Dương	Research and analyze factors affecting port performance. From there, compare and apply specifically at Hai Phong port. The expected result is to find solutions to develop beneficial factors, overcome limitations to maximize performance at the port.	
173.	SV21-22.173	A study on ISE students autonomy in learning English: reality and solutions	Bùi Ngọc Linh Đan Nguyễn Thị Phương Thảo Bùi Thị Phương Anh	BMM61ĐH BMM61ĐH BMM61ĐH	ThS. Đỗ Thị Anh Thư	The study deals with investigating the current situation of English self-study of ISE students, reality and solutions. Particularly, the current research aims at discovering the current situation of the English non-majors' self-study at Hang Hai University; finding out the difficulties and challenges that they face up with and suggesting some changes to enhance the English non-majors' self-study skills at ISE. In this study, the researchers worked with students from three different classes of English non-majors of ISE. All data were collected through questionnaire, interview and learner journal	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						method. After analyzing and discussing the results of the survey, difficulties suffered by students in self -study were discovered. The results indicate that students actually do not reflect a high level of self-study. Basing on these difficulties, we would propose some recommendations to improve the quality of the ISE student 's autonomy in learning English.	
XIII	Viện ĐT CLC						
174.	SV21-22.174	Giải pháp hoàn thiện chuỗi cung ứng hàng da giày tại huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng	Bùi Thị Ý Vi Nguyễn Văn Minh Vũ Thị Quỳnh Trang	KTN59CL KTN59CL KTN59CL	ThS. Trần Hải Việt	Nghiên cứu cơ sở lý thuyết tổng quan về chuỗi cung ứng, các thành phần và mối quan hệ hợp tác và tiêu chuẩn đo lường hiệu quả chuỗi cung ứng. Nghiên cứu, phân tích mô hình cung ứng hàng da giày huyện Tiên Lãng bao gồm: Cơ hội, khó khăn và thách thức. Đề xuất giải pháp hiện đại hoá nhằm hoàn thiện chuỗi cung ứng da giày tại huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng và những khó khăn khi triển khai thực hiện các giải pháp. Đưa ra những hạn chế và tính toán, sắp xếp lại nguồn cung để giảm ảnh hưởng khi xảy ra các vấn đề rủi ro đồng thời định hướng phát triển ngành công nghiệp da giày tại Tiên Lãng.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
175.	SV21-22.175	Giải pháp hoàn thiện hoạt động quản trị chuỗi cung ứng tại chuỗi siêu thị “Concung” tại Việt Nam	Trần Phương Thảo Vũ Minh Trang Nguyễn Hải Anh	KTN59CL KTN59CL KTN59CL	ThS. Trần Hải Việt	Nghiên cứu những nguyên lý về chuỗi cung ứng và các hoạt động quản trị chuỗi cung ứng tại Việt Nam nói chung và tại hệ thống chuỗi siêu thị “Concung” tại Việt Nam nói riêng. Tìm ra các điểm mạnh và điểm yếu trong hoạt động quản trị chuỗi cung ứng này nhằm tìm ra các giải pháp phù hợp và cụ thể trong việc tiết kiệm chi phí, nâng cao dịch vụ khách hàng và tối ưu hóa lợi nhuận cho chuỗi hệ thống “Concung” tại thị trường Việt Nam. Tính khả thi khi áp dụng và kết hợp các ứng dụng công cụ quản trị chuỗi cung ứng hiện đại: JIT, Cross Docking,... Đưa ra các giải pháp ứng dụng thực tế và hoàn thiện hoạt động quản trị chuỗi cung ứng cho hệ thống “Concung” nói riêng. Bên cạnh đó là các hệ thống bán lẻ nói chung trên phạm vi trong nước. Đồng thời rút ra kinh nghiệm thực địa cho chuỗi siêu thị nói chung khi hoạt động tại thị trường Việt Nam.	
176.	SV21-22.176	Nghiên cứu ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 đến GDP Việt Nam	Đinh Thị Thảo Trần Xuân Trường Vũ Thị Linh Nhi Phạm Thị Hà	KTN61CL KTB61CL KTN61CL KTN61CL	ThS. Trương Thị Như Hà	Nghiên cứu thực trạng GDP của Việt Nam trong những năm trước và đặc biệt trong các năm gần đây từ năm 2019-2021 từ đó so sánh những biến động lớn và nổi bật nhất của GDP. Đề xuất một số giải pháp cho tăng trưởng và phát triển bền vững trong thời gian tới	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						của nền GDP Việt Nam. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để đưa ra các giải pháp chính sách lựa chọn 1 cách hợp lí và cần tính đến độ trễ trong quá trình ban hành và triển khai để đảm bảo tính kịp thời và hiệu quả từ đó các doanh nghiệp cung ứng hàng hóa cần phải được giám sát chặt chẽ và có biện pháp hỗ trợ cần thiết, tránh xảy ra đứt gãy trong sản xuất và cung ứng.	
177.	SV21-22.177	Một số biện pháp phòng ngừa rủi ro khi thanh toán hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng phương thức tín dụng chứng từ	Phạm Thùy Linh Lê Thị Tú Anh Nguyễn Thị Bích Hương	KTN59CL KTN59CL KTN59CL	ThS. Đoàn Trọng Hiếu	Đưa ra cơ sở lý luận chung về phương thức thanh toán tín dụng chứng từ và những rủi ro khi áp dụng phương thức thanh toán này. Tìm hiểu về thực trạng của những rủi ro trong phương thức thanh toán tín dụng chứng từ. Đề xuất ra được những biện pháp nhằm hạn chế khắc phục rủi ro trong phương thức thanh toán này.	
178.	SV21-22.178	Đánh giá ảnh hưởng của đại dịch COVID- 19 đến thất nghiệp của Việt Nam	Nguyễn Ngọc Huệ Lâm Quỳnh Duyên Phạm Minh Quang Hà Huyền Trang Đỗ Thanh Thủy	KTB61CL KTB61CL KTB61CL KTB61CL KTB61CL	ThS. Trương Thị Như Hà	Hệ thống lại cơ sở lý luận về tình hình thất nghiệp và tỷ lệ thất nghiệp nước ta. Đánh giá về tình hình thất nghiệp của người lao động cũng như tỷ lệ phá sản của các doanh nghiệp trước và sau đại dịch COVID-19 xảy ra. Các biện pháp mà chính phủ đã làm để giảm tỷ lệ thất nghiệp trong đại dịch COVID-19.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
179.	SV21-22.179	Giải pháp hoàn thiện mô hình công nghệ vận tải chặng cuối cho các sản phẩm thương mại điện tử tại Việt Nam	Nguyễn Thị Minh Thư Vũ Thị Minh Nguyệt Bùi Trần Ngọc Quỳnh	KTN60CL KTN60CL KTN60CL	ThS. Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Nghiên cứu cung cấp một số nền tảng lý thuyết về thương mại điện tử và hoạt động giao hàng chặng cuối trong thương mại điện tử. Nghiên cứu, đánh giá thực trạng của hoạt động giao hàng chặng cuối trong thương mại điện tử tại Việt Nam giai đoạn 2010 đến nay. Đề xuất các giải pháp tập trung giải quyết các vấn đề trên nhằm tối ưu hóa hoạt động giao hàng chặng cuối và tạo ra một sản phẩm mô hình công nghệ đi kèm.	
180.	SV21-22.180	EVFTA và đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả xuất khẩu gạo sang thị trường EU cho công ty TNHH một thành viên – Tổng công ty lương thực Việt Nam – Vinafood II	Phạm Mỹ Huyền Nguyễn Thị Hồng Lê Lưu Thị Bích Ngọc Hoàng Thị Uyên Nguyễn Khánh Hòa	KTN61CL KTN61CL KTN61CL KTN61CL KTN61CL	ThS. Huỳnh Ngọc Oánh	Tìm hiểu về Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam EVFTA, cũng như những cơ hội và thách thức đối với ngành xuất khẩu gạo Việt Nam. Đưa ra các giải pháp để tận dụng cơ hội, khắc phục thách thức nhằm nâng cao hiệu quả xuất khẩu gạo cho công ty lương thực Việt Nam Vinafood II nói riêng và các công ty xuất khẩu khác nói chung.	
181.	SV21-22.181	Giải pháp giảm chi phí Logistics ở Việt Nam	Vương Thị Ngọc Bích Phạm Thu Hằng	KTN61CL KTN61CL	ThS. Huỳnh Ngọc Oánh	Tìm hiểu, nghiên cứu thực trạng chi phí Logistics ở Việt Nam: So sánh chi phí Logistics ở Việt Nam và thế giới. Tìm hiểu nguyên nhân làm gia tăng chi phí Logistics ở Việt Nam để đưa ra các giải pháp để giảm chi phí Logistics ở Việt Nam.	
182.	SV21-22.182	Logistics trong phát triển kinh tế biển ở Hải Phòng	Trần Ngọc Trang Lê Như Ái Lê Huy Thanh Lê Kiên Cường Nguyễn Công Bảo Thanh	KTB61CL KTB61CL KTB61CL KTB61CL KTB61CL	ThS. Phan Thị Bích Ngọc	Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến logistics trong phát triển kinh tế biển. Thực trạng logistics trong phát triển kinh tế biển ở thành phố Hải Phòng. Giải pháp phát huy logistics trong phát	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						triển kinh tế biển ở thành phố Hải Phòng.	
183.	SV21-22.183	Lý thuyết năng suất cận biên của lao động và vấn đề di chuyển lao động Việt Nam sang các nước ASEAN	Nguyễn Hương Giang Đào Thị Thu Phương Văn Phương Anh	KTN60CL KTN60CL KTN60CL	ThS. Hàn Huyền Hương	Những vấn đề chung về năng suất cận biên của lao động và di chuyển lao động quốc tế. Thực trạng di chuyển lao động Việt Nam sang các nước ASEAN dựa trên lý thuyết năng suất cận biên của lao động. Định hướng và giải pháp thúc đẩy di chuyển lao động Việt Nam sang các nước ASEAN.	
184.	SV21-22.184	Nghiên cứu cơ hội và thách thức, giải pháp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam tham gia sản giao dịch thương mại điện tử	Lê Ngọc Quỳnh Nguyễn Thị Phương Anh Nguyễn Thị Thơm Nguyễn Thị Thùy Trang	KTN61CL KTN61CL KTN61CL KTN61CL	ThS. Lương Thị Kim Oanh	Nghiên cứu các cơ hội và thách thức từ đó tìm ra các giải pháp giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam tham gia hoạt động hiệu quả trên các sàn giao dịch thương mại điện tử.	
185.	SV21-22.185	Ứng dụng chuyển vùng không gián đoạn trong xây dựng hệ thống mạng không dây cho môi trường mật độ cao	Nguyễn Phương Đông	CNT60CL	ThS. Phạm Ngọc Duy	Nghiên cứu tổng quan về mạng không dây và môi trường mật độ cao. Nghiên cứu về các kỹ thuật mở rộng vùng phủ sóng mạng không dây và công nghệ chuyển vùng. Thiết kế, xây dựng mô hình mạng không dây thử nghiệm. Triển khai hệ thống với chuyển vùng nhanh và chuyển vùng không gián đoạn vận hành và đánh giá hiệu suất. Kết luận, và hướng phát triển. Dự kiến sản phẩm nghiên cứu: - 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước. - 01 báo cáo thuyết minh đề tài NCKH.	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						- 01 mô hình mạng không dây thử nghiệm.	
186.	SV21-22.186	Xây dựng hệ thống điểm danh, chấm công dựa vào nhận diện khuôn mặt sử dụng kỹ thuật học sâu	Bùi Tùng Dương Phạm Quang Phúc Trần Đức Anh	CNT61CL CNT61CL CNT61CL	TS. Nguyễn Hữu Tuân	Nghiên cứu, ứng dụng thị giác máy tính trong nhận diện khuôn mặt. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ nhận diện khuôn mặt và trí tuệ nhân tạo trong việc điểm danh, chấm công trong điều kiện khuôn mặt bị che một phần (đeo khẩu trang, mũ bảo hộ, mũ che tóc..). Xây dựng phần mềm quản lý trên PC hoặc di động. Kết quả sản phẩm nghiên cứu là Hệ thống điểm danh, chấm công sử dụng khuôn mặt cho phép thực hiện kiểm soát vào ra, kiểm soát y tế đối với nhân sự cần kiểm soát.	
187.	SV21-22.187	Xây dựng mô hình điều khiển đèn giao thông không dây	Nguyễn Hữu Thiện Vũ Tiến Mạnh Bùi Thế Cường Nguyễn Văn Phú Phạm Minh Tùng	ĐTĐ60CL ĐTĐ60CL ĐTĐ60CL ĐTĐ60CL ĐTĐ60CL	TS. Đặng Hồng Hải	Nghiên cứu cấu tạo và nguyên lý hoạt động của đèn giao thông, tìm hiểu 1 số đèn giao thông phổ biến. Nghiên cứu vi điều khiển để điều khiển đèn giao thông không dây, nghiên cứu về xây dựng cho đèn giao thông từ tấm pin mặt trời. Kết quả, sản phẩm đề tài: đèn giao thông không dây sử dụng năng lượng mặt trời từ tấm pin mặt trời.	
188.	SV21-22.188	Nghiên cứu thiết bị quạt thông gió cho tòa nhà cao tầng sử dụng pin năng lượng mặt trời	Phạm Huy Hoàng Nguyễn Chí Dương Nguyễn Hữu Đăng Nguyễn Đức Tuấn Phong	ĐTĐ60CL ĐTĐ60CL ĐTĐ60CL ĐTĐ60CL	TS. Đặng Hồng Hải	Nguyên cứu biến đổi quang năng thành điện năng. Sử dụng bộ nạp nhằm tích trữ năng lượng trong pin hoặc ắc-quy với công suất phù hợp của tấm pin mặt trời. Sử dụng năng lượng được tích trữ để cung cấp cho thiết bị quạt thông gió trong các tòa nhà cao tầng nhằm giảm thiểu lượng	

TT	Mã đề tài	Tên công trình	Sinh viên thực hiện (SV chịu trách nhiệm chính in đậm - Mỗi nhóm không quá 5 SV)	Lớp (Ghi rõ lớp của các SV tham gia)	GV hướng dẫn (Không quá 02 giảng viên hướng dẫn trong đó có 01 giảng viên hướng dẫn chính - in đậm)	Nội dung nghiên cứu (Nêu tóm tắt nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của công trình)	Ghi chú
						điện năng sử dụng từ lưới. Tòa nhà sẽ trở nên "xanh" hơn.	
XIV	Cao đẳng VMU						
189.	SV21-22.189	Xây dựng bộ khí cụ điện 3D phục vụ học tập trực tuyến trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19.	Đỗ Tuấn Khang Phạm Đức Ngọc Phạm Duy Hưng Hoàng Minh Hải Nguyễn Hữu Tuấn	ĐCN61-CĐ ĐCN61-CĐ ĐCN61-CĐ ĐCN61-CĐ ĐCN61-CĐ	TS. Đồng Xuân Thìn KS. Đỗ Thế Hùng	Nghiên cứu nguyên lý cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các khí cụ điện được sử dụng trong học phần Khí cụ điện. Nghiên cứu xây dựng từng phần tử của từng khí cụ điện trên phần mềm 3D; Thực hiện mô phỏng lắp/tháo các phần tử tạo thành các khí cụ điện. Dự kiến sản phẩm nghiên cứu: Bộ khí cụ điện 3D có mô phỏng tháo, lắp từng phần tử của khí cụ điện, gồm: - Nút ấn; - Cầu dao; - Cầu chì; - Công tắc tơ; - Rơle nhiệt.	

Danh sách có: 189 đề tài.